



**TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

**BÁO
CÁO
THƯỜNG
NIÊN
2016**



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Thưa Quý Cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL), tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư đã tin nhiệm, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt một năm qua!

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Cả nước đã đạt được những thành tựu quan trọng: Kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,21% so với năm 2015. Lạm phát được kiềm chế. Thị trường bất động sản tiếp tục phục hồi. Về đối ngoại, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị kinh tế quốc tế, được đánh dấu bằng việc ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào ngày 04 tháng 02 năm 2016.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội năm 2016 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu và thu ngân sách Nhà nước. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ dấu hiệu khởi sắc của năm 2015, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu

Thế nhưng, vượt qua tất cả, dưới sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của HĐQT Tập đoàn cùng với sự tin tưởng, song hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư cũng như sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể CBNV, người lao động, Tập đoàn ĐLGL đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: Kết thúc năm tài chính 2016, ĐLGL đạt doanh thu 2.490 tỷ đồng, tăng 51,39% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt 95,72 tỷ đồng, tăng 15,59 % so với cùng kỳ năm 2015.

Các lĩnh vực hoạt động đều có sự tăng trưởng vượt bậc, nhất là các ngành: cơ sở hạ tầng, bất động sản, năng lượng, linh kiện điện tử, sản xuất nông nghiệp, kinh doanh bến xe và bãi đỗ... Các trạm thu phí đường QL 14 hoạt động hiệu quả, đưa về dòng tiền ổn định. Nhiều dự án đầu tư đã tiến triển khá tốt: Dự án Thủy điện Đăk Pô Cô được gấp rút thi công, hoàn thành hơn 80% tiến độ và sẽ đưa vào phát điện cuối năm 2017; khởi công Dự án Thủy điện Tân Thượng; khởi công nhiều dự án bất động sản lớn tại TP.HCM; tiếp tục thi công các gói thầu còn lại của Dự án khách sạn Mỹ Khê (Đà Nẵng); mua và sáp nhập thành công, sở hữu 100% cổ phần công ty HANBIT (Hàn Quốc); đưa Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử QSIC của Mỹ tại Khu Công nghệ cao quận 9 (TP.HCM) đi vào hoạt động; ký biên bản ghi nhớ đầu tư chính thức dự án khu trung tâm mở rộng phía Đông Chư Sê; chuẩn bị cho nhiều dự án cơ sở hạ tầng và bất động sản tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam... Từ tháng 12/2016, Tập đoàn đã chính thức chuyển về làm việc tại Hội sở mới - số 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, TP.Pleiku, Gia Lai. Đây là một cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển không ngừng của Tập đoàn sau hơn 20 năm hình thành và phát triển với phương châm hành động “Đi là đến”.

Tập đoàn đã ổn định công tác nhân sự, coi trọng công tác giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh, nhờ đó công tác quản trị doanh nghiệp đạt hiệu quả, việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên ổn định...

Năm 2016 được xem là một năm thắng lợi lớn của Tập đoàn ĐLGL với hoạt động SXKD và đầu tư đạt hiệu quả cao, vị thế thương hiệu được khẳng định mạnh mẽ và vững chắc trên thương trường trong nước cũng như quốc tế. Những thành tựu này rất đáng tự hào trong bối cảnh tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn và các doanh nghiệp vẫn đang phải đối đầu với nhiều thách thức.

Bước sang năm 2017, một năm có ý nghĩa rất quan trọng, được xem là bản lề thực hiện phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.

Những hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế thời gian qua đã mở ra không gian phát triển mới cho nền kinh tế Việt Nam, mở rộng quan hệ hợp tác sâu, rộng với các quốc gia trong khu vực và thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, tạo cơ hội để Việt Nam thực hiện chiến lược cơ cấu lại thị trường xuất khẩu theo hướng cân bằng hơn, thúc đẩy cải cách và tái cơ cấu nền kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc hội nhập cũng không tránh khỏi những thách thức nhất định, đặc biệt là sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của Việt Nam vốn còn yếu, khả năng quản lý còn nhiều bất cập. Đây chính là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp của Việt Nam mà Tập đoàn ĐLGL cũng không phải là ngoại lệ.

Năm 2017 là một năm cực kỳ phấn khởi với Tập đoàn ĐLGL, những thành quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đã giúp ĐLGL ngày càng nâng cao vị thế của mình trên thương trường trong và ngoài nước. Giữ vững tinh thần năng động, nắm bắt xu thế, đón đầu các cơ hội, vượt qua thử thách, tận dụng thời cơ, phấn đấu tạo nên những bước đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Đức Long Gia Lai bước vào năm mới với phương châm hành động **“TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC - ĐỔI MỚI ĐỘT PHÁ - TRÁCH NHIỆM ĐẾN CÙNG”**. Cùng với tinh thần: **“ĐỨC LONG - ĐI LÁ ĐÈN”**, kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015 - 2020, không ngừng tăng trưởng về quy mô và hiệu quả hoạt động, đưa ĐLGL trở thành thương hiệu hàng đầu tại khu vực Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, bất động sản và nông nghiệp. HĐQT cam kết tập trung toàn bộ trí lực, vật lực chỉ đạo quyết liệt Ban Tổng Giám đốc thực hiện bằng được mục tiêu này; đồng thời sẽ làm bất cứ những gì tốt nhất, đem về quyền lợi cao nhất cho Quý cổ đông và nhà đầu tư.

Mong rằng, quý vị cổ đông, các đối tác cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, hết sức tin tưởng, ủng hộ HĐQT, Ban điều hành trên bước đường phát triển của Tập đoàn ĐLGL.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh cũng như về quản trị doanh nghiệp; cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào ĐLGL; cảm ơn toàn thể CBCNV vì sự chuyên nghiệp, trung thành, cam kết đồng hành cùng Công ty và nhất là xin cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông. Chúng tôi cam kết sẽ thường xuyên thông tin đến quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng một cách kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



➤ TÂM NHÌN

“Trở thành Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Dương từ 2015 – 2019”

SỨ MỆNH ➤

“Không ngừng sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên.”

➤ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Đổi mới tư duy.
- Đột phá hiệu quả.
- Năng động sáng tạo.
- Đoàn kết phát triển.

M

U

C

L

U

C

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các yếu tố rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

IV. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS.

VI. Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.301.443.420.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.301.443.420.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02, Đặng Trần Côn, P.Trà Bá, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: (84-59) 3748367
- Số fax: (84-59) 3747366
- Website: www.duclonggroup.com.vn

QUÁ
TRÌNH
HÌNH
THÀNH
VÀ
PHÁT
TRIỂN

Năm 2016

DLG tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5,000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

Năm 2016

Tiếp tục chiến lược tái cấu trúc mạnh mẽ, chú trọng phát triển trên các lĩnh vực trọng tâm: Cơ sở hạ tầng, Nông nghiệp, Sản xuất linh kiện điện tử, Bất động sản và Năng lượng.

Tháng 06/2010

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG

Tháng 03/2010

Niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (Công ty thành viên) trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán DL1.

Tháng 06/2007

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

Tháng 09/1995

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng và 9.700 m² đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

THÀNH TÍCH

- 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.

- 3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.
- Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

- Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.
- Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi- Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 3 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bằng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.



CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Ngày 21/4/2016 tại Khu công nghệ cao TP. HCM :Tập đoàn DLGL đã sở hữu nhà máy Điện tử Ansen Việt Nam tại phường Tăng Nhơn Phú A và phường Tân Phú Quận 9, TP.HCM với diện tích đất 8.306,67m². Xuất phát từ việc đánh giá các điều kiện khách quan đến từ hiệp định TPP, những thông điệp chính sách và hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ và những ưu đãi hấp dẫn của Khu Công Nghệ cao TP.HCM, xu thế dịch chuyển sản xuất ngành công nghiệp điện tử và công nghệ cao từ các quốc gia lân cận tới Việt Nam.

Các yếu tố chủ quan nội tại của tập đoàn DLGL như: Nhu cầu tất yếu đột phá vào mảng điện tử dân dụng của DLGL, cùng với việc DLGL đang sở hữu và vận hành nhà máy tương tự tại Trung Quốc là điều kiện thuận lợi để DLGL tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc đầu tư



xây dựng nhà máy Điện tử Ansen Việt Nam. Các sản phẩm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường bao gồm: máy xén tóc, cạo râu; chuông cửa ; đèn Led; GPS Location tracker. Hiện tại nhu cầu tiêu thụ sản phẩm điện tử đang ngày một gia tăng tại thị trường trong và ngoài nước.



Ngày 16/06/2016, tại Thành phố Seoul, Hàn Quốc, Công ty CP Tập đoàn ĐLGL đã chính thức trở thành chủ sở hữu mới của công ty TNHH DLG Hambit (DLG Hambit Co.Ltd), đồng nghĩa với việc danh chính ngôn thuận nắm quyền quản lý, điều hành và kinh doanh nhà máy Công ty sản xuất thẻ nhớ nhỏ (sử dụng trong máy ảnh, điện thoại – khách hàng chính là LG) và thẻ nhớ lớn (sử dụng trong máy tính, hệ thống server – có khoảng 20 khách hàng nội địa). Hai bên đã đi đến thống nhất việc chuyển giao quyền điều hành chính thức hoàn tất, ĐLGL có toàn quyền quyết định đối với việc kinh doanh của nhà máy Hambit. Với giá trị tài sản, nguồn lao động hơn 300 nhân viên, tài chính sẵn có cùng với thị trường tiêu thụ ổn định và uy tín đã được khẳng định của Hambit, ĐLGL đã có được bước hợp tác đầu tư khôn ngoan khi chi phí đầu tư thấp nhưng mang lại hiệu quả cao, ổn định.



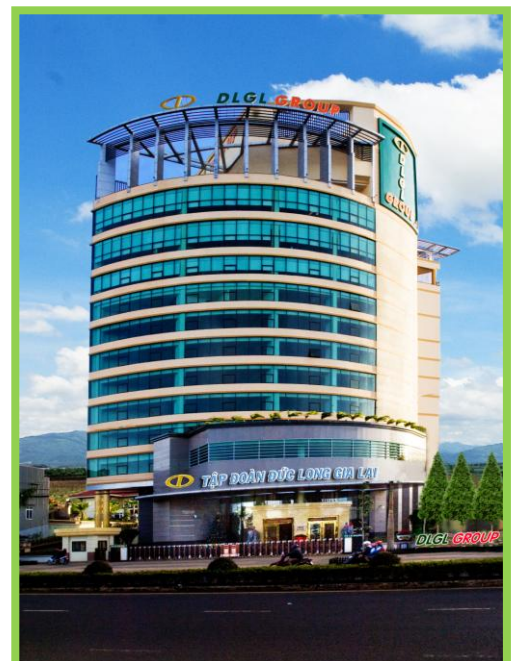
Tháng 9/2016 Công ty CP Tập đoàn ĐLGL đã chính thức khởi công dự án **Đức Long GOLDEN LAND- Quân 7 . TP HCM.** Đây Khu thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp DucLong GoldenLand với diện tích 11.623,4 m2 bao gồm 27 tầng, có 1 tầng hầm chính và 1 tầng hầm lửng với tổng số 885 căn, gồm 30 căn shop house, 208 căn OFFICE TEL, 470 căn phòng ngủ, 164 căn 3 phòng ngủ, 13 căn Penthouse



Ko dự kiến sẽ phát điện vào tháng 10/2017.

Ngày 20/11/2016 Công ty CP Tập đoàn ĐLGL đã chính thức khởi công dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng tại huyện Di Linh và huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng với Công suất lắp máy 22 MW, công suất đảm bảo 4,75MW, 02 tổ máy, điện lượng trung bình 86,67 triệu KWh/năm. Đây là dự án thủy điện thứ 2 sau dự án thủy điện ĐắcPo

Ngày 17/12/2016, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã chính thức chuyển về làm việc tại Hội sở mới số 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, TP.Pleiku, Gia Lai. Đây là một cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển không ngừng của của Tập đoàn sau hơn 20 năm hình thành và phát triển với phương châm hành động “Đi là đến”.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề chiến lược:

Bất động sản
Cơ sở hạ tầng
Năng lượng
Sản xuất linh kiện điện tử
Nông nghiệp



Ngành nghề truyền thống

Dịch vụ Bến xe, Bãi đỗ xe
Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn và Khu
nghỉ dưỡng
Dịch vụ Bảo vệ, Vệ sĩ





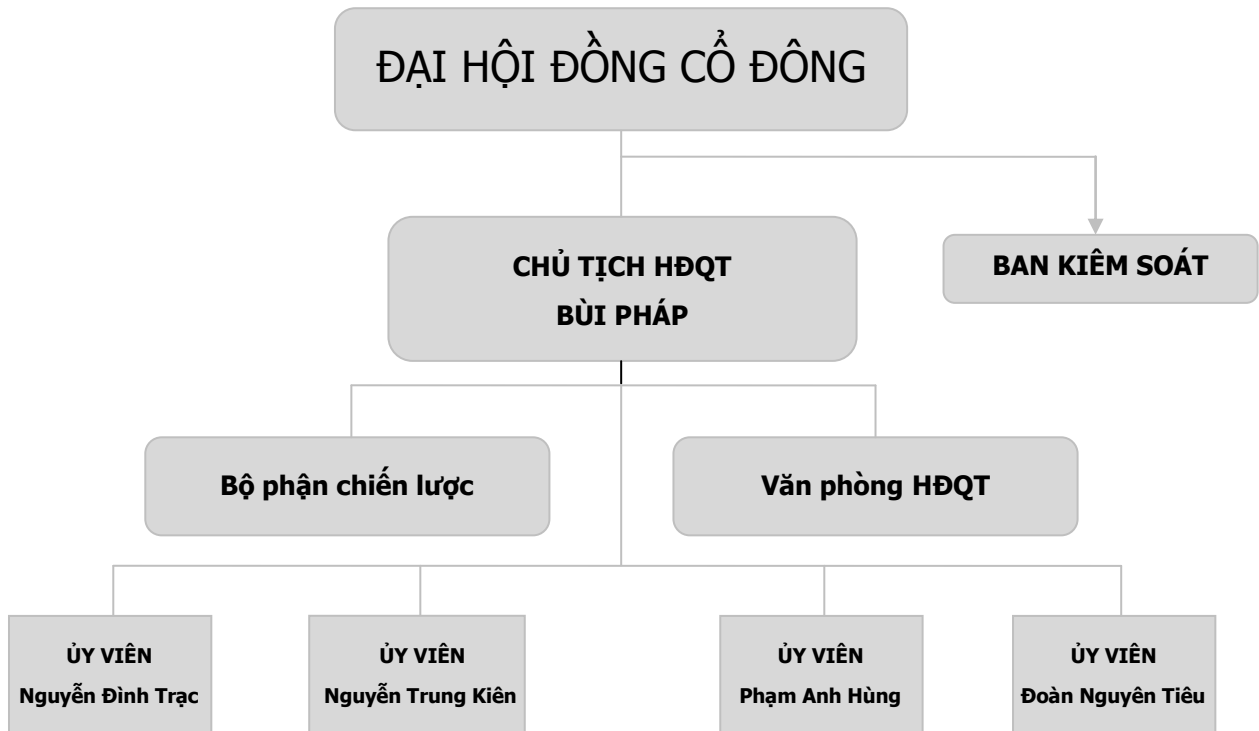
WELCOME TO DUC LONG DUNG QUAT HOTEL



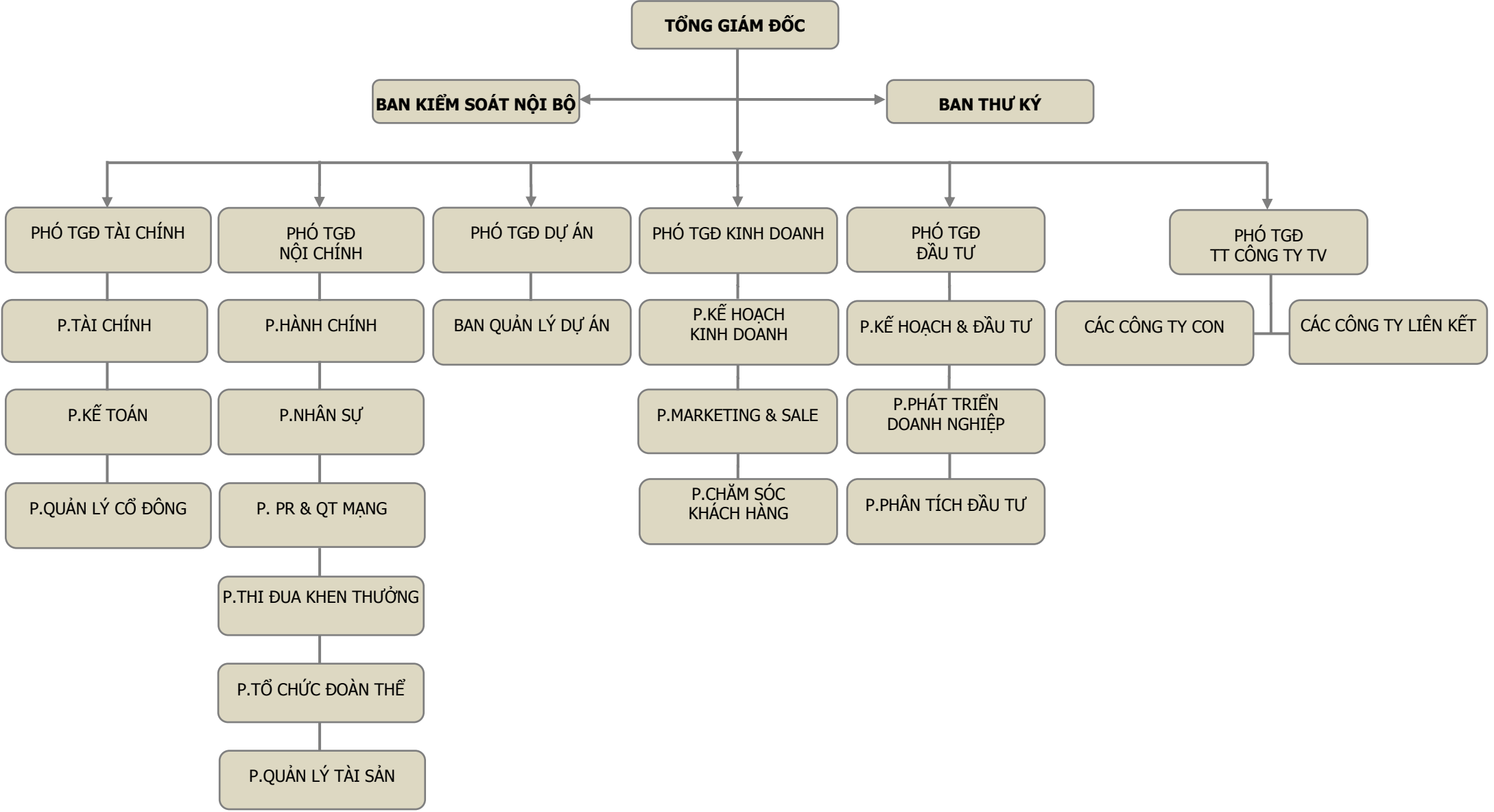
Địa bàn kinh doanh chủ yếu

Là một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của DLGL không chỉ trong tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn đang mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu DLGL xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



CÁC CÔNG TY CON

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn
CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng ĐLGL (kết thúc kiểm soát ngày 01/04/2016)	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	168,92	11,29%
CTCP trồng rừng và cây công nghiệp ĐLGL	43- Lý Nam Đế- Trà Bá- Pleiku- Gia Lai	47	96.81%
CTCP Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai	73A Nguyễn Trọng Tuyển – P. 15 – Q Phú Nhuận – TP HCM	3.4	48%
CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bế Văn Đàn – Q. Thanh Khê – Tp. Đà Nẵng	25	85.00%
Công ty CP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 30/04/2016)	43 Lý Nam Đế – Pleiku – Gia Lai	102	1.00%
Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Đăk Nông	04 Điện Biên Phủ - P. 3 – Tx. Gia Nghĩa – Đăk Nông	250	70.60%
Công ty cổ phần BOT&BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương – Chư Sê – Gia Lai	270	73.49%
Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	211 thôn Phú Hà – xã Ia Blứ – Chư Pưh – Gia Lai	360.5	99.86%
Công ty cổ phần Năng lượng Tân Thượng	18 Hà Huy Tập – P.3 – Tp. Đà Lạt – Lâm Đồng	155	86.90%

Công ty TNHH Mass Noble Investments	Hòm thư 957, trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	320	97.73%
-------------------------------------	--	-----	--------

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn
Công ty CP Tư vấn xây dựng Giao thông Gia Lai	53 Quang Trung, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	2.961	20.00%
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn, p.Trà Bá, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	60	33.33%
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai	15	40.00%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC MỤC TIÊU

Phần đầu đến năm 2020 ĐLGL sẽ trở thành **một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam** có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

Về doanh thu và lợi nhuận: ĐLGL phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, ĐLGL sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

Đối với môi trường: Tập đoàn ĐLGL luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, ĐLGL luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...

Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội.

Đối với cộng đồng: những công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

T trở thành tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020 với các **Lĩnh vực cốt lõi:**

Cơ sở hạ tầng: ĐLGL là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, ĐLGL là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, ĐLGL sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu hành chính kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

Bất động sản: Hoàn thành việc xây dựng các dự án bất động sản: Đức Long Golden Land (Quận 7), Đức Long Newland (Quận 8) và Đức Long Western park (Quận Bình Tân). Hoàn thiện thủ tục đầu tư 05 dự án bất động sản khác tại Quận 2, Quận 4, Quận 7, Quận 8 và Quận Bình Tân TP.HCM. Nguồn đất có được từ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng bằng hình thức BT (đổi đất lấy hạ tầng), ĐLGL tiếp tục triển khai các dự án đầu tư bất động sản tại TP.HCM và tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 2017 - 2020 và các năm tiếp theo. Đưa ĐLGL trở thành thương hiệu đứng đầu cả nước trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản trong tương lai.

Năng lượng: Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo, theo hình thức phân tán kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Phấn đấu đưa dự án trở thành mô hình kiểu

mẫu tại Việt Nam trong tương lai.

Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng các Dự án thủy điện: Thủy điện Đăk Pô Cô (hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại từ 10/2017); Thủy điện Tân Thượng (hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại vào năm 2018). Chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ 2018 - 2020. Lập thủ tục đầu tư các dự án điện năng lượng mặt trời, điện gió kết hợp du lịch tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đăk Lăk với tổng công suất từ 700 - 800 MW, vốn đầu tư từ 20.000 - 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2018 - 2022.

Sản xuất linh kiện điện tử: Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở nước ta, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quảng, tỉnh Quảng Đông và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Seoul Hàn Quốc. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị máy móc, đưa Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM vào sản xuất và xuất khẩu sản phẩm đi các nước. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 01 nhà máy sản xuất đèn led tại thành phố Đà Nẵng.

Nông nghiệp: Xây dựng ngành nông nghiệp theo mô hình khép kín với 3 lĩnh vực bổ trợ nhau: Chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi bò thịt và trồng trọt cây nông nghiệp ngắn ngày. Sử dụng công nghệ cao kết hợp kỹ sư chuyên nghiệp để phát triển một ngành nông nghiệp cơ giới hóa, hiệu quả cao và thu hồi vốn nhanh.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, ĐLGL là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình. Trong năm 2016, với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam. Cụ thể, CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với năm 2015. Mức tăng CPI bình quân năm 2016 cao hơn so với năm trước, nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây, đồng thời vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 tăng 1,83% so với năm 2015. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn ĐLGL đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro pháp luật

Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, ĐLGL luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

- *Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:* Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.
- *Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:* Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Đồng thời, việc vận hành các trạm thu phí cũng gặp một số khó khăn nhất định. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.
- *Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:* Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Trong năm, tình hình căng thẳng ở biển đông và bất ổn trên thế giới đã tác động không nhỏ đến hoạt động của Tập đoàn. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.
- *Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử*

Kể từ ngày 16/7/2015, Công ty TNHH Mass Noble Investments (“Mass Noble”) chính thức trở thành công ty con của DLGL có trụ sở tại Hồng Kông, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất điện tử và linh kiện điện tử. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát

triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Đây có thể coi là một thành công của Mass Noble trong thời gian qua. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp Mass Noble dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường. .



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư, chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2016

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016	2016/2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1,637,715	2,477,281	51.26%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1,481,048	2,004,465	35.34%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	156,666	472,816	201.80%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	104,493	87,908	-15.87%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	159,455	309,517	94.11%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	14,521	18,970	30.64%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	64,186	131,360	104.66%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	23,201	101,040	335.50%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	59,607	(5,320)	-108.93%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	82,809	95,720	15.59%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	81,061	65,727	-18.92%

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Với 5 lĩnh vực trọng tâm: Cơ sở hạ tầng, Bất động sản, Năng lượng, Sản xuất linh kiện điện tử, Nông nghiệp, ĐLGL đã và đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Những con số ấn tượng về doanh thu cũng như lợi nhuận hoạt động đã minh chứng cho những nỗ lực vượt bậc của ĐLGL. Cùng với đó, nhờ tiến hành cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tập trung vào các dự án sinh lời ngắn hạn sau một thời gian dài tập trung đầu tư vào các lĩnh vực dài hạn, hoạt động SXKD của ĐLGL không ngừng tăng trưởng, đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2016	TH 2016/KH
Doanh thu	Tỷ	2.800	2.490	88,95%
Lợi nhuận	Tỷ	220	65	43,5%

Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, các kết quả đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHCĐ thường niên 2016.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Phạm Anh Hùng	Tổng giám đốc	0	0	
2	Đỗ Thanh	Phó tổng giám đốc thường trực	20.947	0,009%	Đã miễn nhiệm ngày 16/11/2016
3	Nguyễn Tiến Dũng	Phó tổng giám đốc	0	0	
4	Phạm Minh Việt	Phó tổng giám đốc	0	0	
5	Phan Xuân Viên	Phó tổng giám đốc	0	0	
6	Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	33.790	0,015%	



Ông Phạm Anh Hùng - Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 2006 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn ĐLGL.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn ĐLGL.
- 01/01/2015 đến nay: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn ĐLGL.



Ông Đỗ Thanh, Phó Tổng Giám đốc thường trực (miễn nhiệm ngày 16/11/2016)

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982 – 1986: Kế toán trưởng Xí nghiệp cơ khí Gia Lai.
- 1987 – 1991: Chuyên viên kinh tế sở Công nghiệp Gia Lai.
- 1992 - 2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu Gia Lai.
- 2002 - 2005: KTT kiêm trưởng phòng kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 2006 - 06/2007: Phó giám đốc kinh doanh XNTD ĐLGL.
- 06/2007 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Ông Nguyễn Tiên Dũng, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1991 – 2002: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai.
- 2002 – 2007 : Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Tỉnh Gia Lai.
- 2007 – 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai, Chuyên viên Ban đầu tư phát triển Tập đoàn ĐLGL.
- 2008 – 2009: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn ĐLGL.
- 2009 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Tập đoàn ĐLGL.



Ông Phạm Minh Việt, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- 2000 - 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.
- 2003 - 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- 2006 - 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- 2008 – 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn ĐLGL.



Ông Phan Xuân Viên, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1990 - 2005: Giám đốc Công ty XNK thương mại Thừa Thiên - Huế.
- 2005 - 2006: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- 2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án phía Nam kiêm Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc.



Bà Vũ Thị Hải, Kế toán trưởng

Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

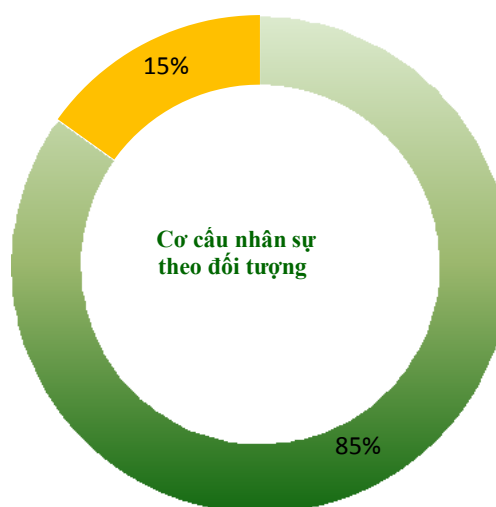
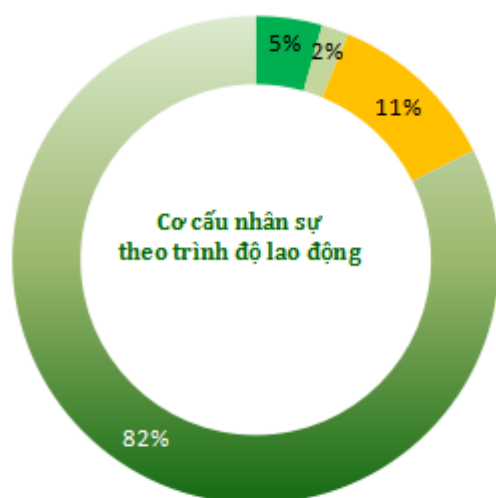
- 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- 01/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- 03/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐLGL.
- 04/2011 – 07/2013: Trưởng Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐLGL
- 9/07/2013 – nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐLGL.

Ban điều hành Tập đoàn trong năm 2016 duy trì hoạt động ổn định (Ban Giám đốc gồm 01 tổng giám đốc và 04 phó tổng giám đốc), tháng 11/2016 phó Tổng giám đốc Đỗ Thanh miễn nhiệm vì lý do cá nhân. Các thành viên trong ban điều hành phối hợp tích cực thực hiện quyết liệt các chủ trương do Hội đồng quản trị đề ra.

THỐNG KÊ NHÂN SỰ

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn tính đến 31/12/2016 là 4.500 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên tập đoàn năm 2016 là 8 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 8,5 triệu đồng/người/tháng.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	7.000.000	8.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.300.000	7.500.000	8.500.000



- Trình độ đại học và trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Lao động trực tiếp

Lao động gián tiếp

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ÁP DỤNG TRONG NĂM 2016

Chính sách tuyển dụng

Được Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

Chính sách đào tạo:

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi

kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần), qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao

động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.



Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bố trí chức vụ cao hơn.



Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn

đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập /thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
Cho vay ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	415.462	360.545
Cho vay ngắn hạn cá nhân	Tr.đồng	184.238	418.375
Tiền gửi ngắn hạn	Tr.đồng	573.264	316.094

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2015 (Tr.đồng)	2016 (Tr.đồng)
Đầu tư góp vốn	15.751	32.225
CTCP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600	5.600
CTCP ĐĐT XD Nam Nguyên	968	968
CTY TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	1.200	1.200
CTCP Đầu tư và PT Điện năng ĐLGL	3.503	3.503
CTCP ĐT & KD Bất động sản ĐLGL	4.000	4.000
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
CTCP ĐT&PT DV Công Trình Công Cộng ĐLGL	-	8.200
CTCP Đầu Tư và Xây Dựng ĐLGL	-	8.274
Cho vay	157.343	225.647
CTY TNHH Đức Long Dung Quất	90.902	-
Cty TNHH MTV Việt Gia Phát	65.441	65.441
DNTN Du lịch lữ hành và Đầu tư xây dựng NHHTC	1.000	-
CTCP Chế biến Gỗ ĐLGL	-	19.250
Nguyễn Tân Tiến	-	140.956
Tiền gửi trên 12 tháng	1.400	-

Các công ty con, công ty liên kết:

v Một số chỉ tiêu tóm tắt tài chính của một số Công ty con (tỷ đồng)

CTCP Trồng Rừng và Cây Công Nghiệp ĐLGL

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Tỷ đồng	1.67	2.24
LNTT	Tỷ đồng	0.01	(0.28)
Tài sản	Tỷ đồng	281.60	296.70
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	47.00	47.00

Công ty TNHH Mass Noble Limited

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Tỷ đồng	439.48	1,102.55
LNTT	Tỷ đồng	14.23	5.88
Tài sản	Tỷ đồng	755.61	746.27
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320.06	320.06

CTCP BOT & BT Đức Long Đăk Nông

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Tỷ đồng	28.19	187.92
LNTT	Tỷ đồng	(2.59)	28.57
Tài sản	Tỷ đồng	1,222.85	1,233.32
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	224.00	250.00

Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Tỷ đồng	309.99	203.59
LNTT	Tỷ đồng	20.05	(1.68)
Tài sản	Tỷ đồng	207.14	265.56
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	360.50	360.50

v Một số chỉ tiêu tóm tắt của một số Công ty liên kết (tỷ đồng)

Công ty TNHH Cung ứng Vật Tư Nguyên liệu Tây Nguyên

CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016
Doanh thu	Tỷ đồng	411.47	345.87
LNTT	Tỷ đồng	0.25	0.21
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	60.00	60.00

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	6,815,607	7,010,967	2.87%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	1,637,715	2,477,281	51.26%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	23,201	101,040	335.50%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	59,607	-5,320	-108.93%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	82,809	95,720	15.59%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	81,061	65,727	-18.92%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.61	2.10
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2.16	1.82
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	68.36	62.08
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	216.09	163.70
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	3.16	6.02
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.24	0.35
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.92	2.65
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3.76	2.47
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1.19	0.94
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1.41	4.08

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể hiện xu hướng chung trong năm 2016 là sự chuyển biến tích cực, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần

Số cổ phiếu phổ thông : 230,144,342 cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành: 230,144,342 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

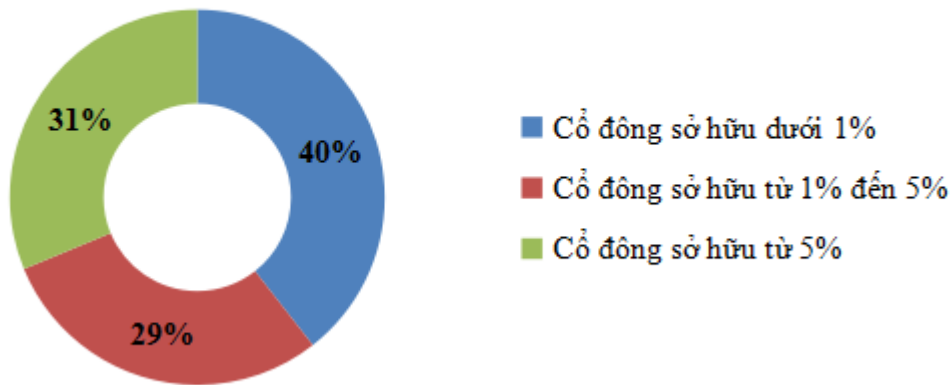
Mệnh giá : 10,000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY
05/12/2016

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	191,046,158	83.01%
<i>Cá nhân</i>	189,016,173	82.13%
<i>Tổ chức</i>	2,029,985	0.88%
Cổ đông nước ngoài	39,098,184	16.99%
<i>Cá nhân</i>	247,586	0.11%
<i>Tổ chức</i>	38,850,598	16.88%
Tổng cộng	230,144,342	100.00%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



Danh sách cổ đông lớn

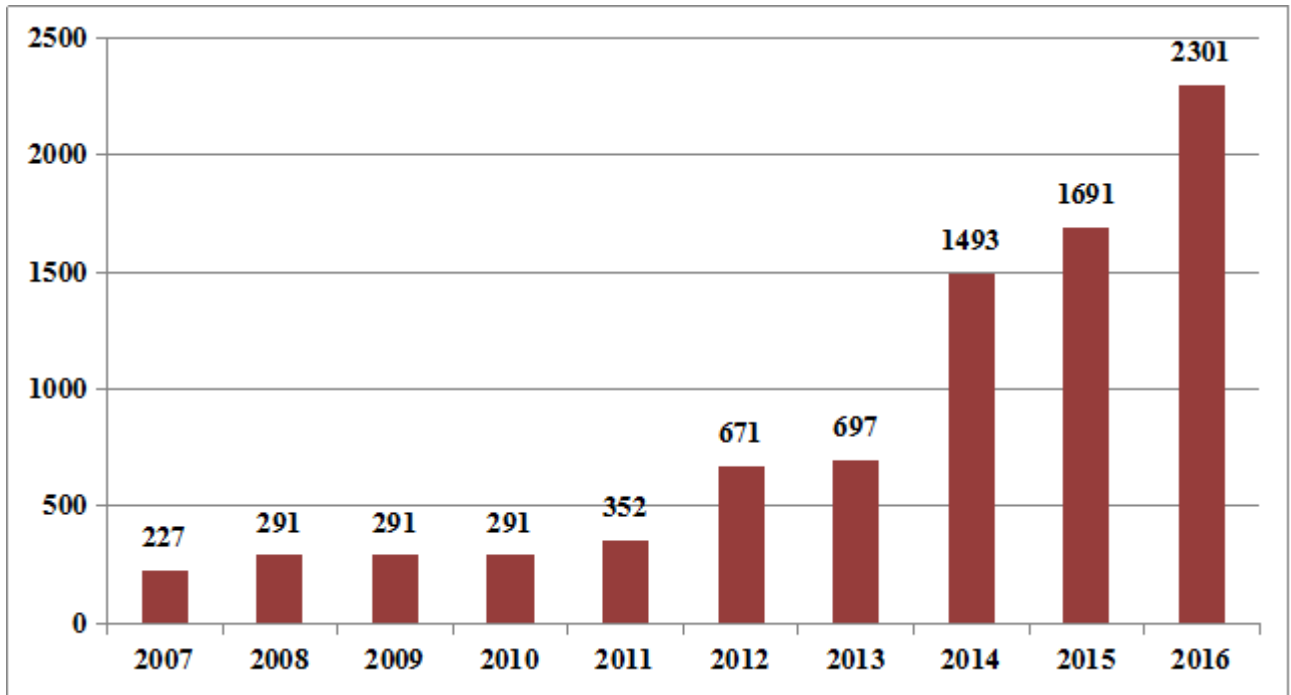
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	35,532,405	15.44%
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	31,977,161	13.89%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tháng 6/2016 Tập đoàn ĐLGL đã tăng vốn điều lệ thành 2.191.861.170.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu.
- Tháng 12/2016 tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và thưởng của năm 2015 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ sau khi chi trả là 2.301.443.420.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2016 (TỶ ĐỒNG)



**BÁO CÁO
BAN GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Môi trường kinh doanh năm 2016

Năm 2016, kinh tế nước ta đã vượt qua khó khăn, thách thức, đạt nhiều kết quả tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, GDP tăng 6,21%. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh; hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động; giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; những tác động xấu của biến đổi khí hậu, sự cố môi trường xảy ra nhiều nơi... đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta.

Những tiêu cực của kinh tế thế giới và trong nước đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó Tập đoàn DLGL không phải là ngoại lệ.

Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2016, Tập đoàn có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

1. Thuận lợi:

Trong năm 2016, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 đã tạo thêm động lực đổi mới, thêm niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp.

Tập đoàn với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn.

Có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra, được các kỳ Đại hội cổ đông thông qua, là cơ sở cho việc định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

2. Những khó khăn, thách thức:

Một số chủ trương của Nhà nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn, như chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị về các

giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 (tại Thông báo số 191 của Văn phòng Chính phủ) đã làm chậm tiến độ triển khai một số dự án có ảnh hưởng đến diện tích rừng của Tập đoàn.

➤ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư.

➤ Có thời điểm Tập đoàn gặp phải khó khăn về vốn, về cơ chế từ các cơ quan chức năng.

➤ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của HĐQT, Ban TGD đã tập trung khai thác các lợi thế của ĐLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2016 của Tập đoàn chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông năm 2016 đề ra, nhưng kết quả thực hiện năm 2016 được đánh giá là vượt bậc so với năm 2015. Nguyên nhân giúp tăng doanh thu của ĐLGL so với năm trước là nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể CBCNV của ĐLGL đã duy trì được nguồn thu từ các hoạt động từ các lĩnh vực, ngành nghề chiến lược gồm: Thu phí đường bộ (BOT), doanh thu từ sản xuất kinh doanh sản phẩm linh kiện điện tử. Ngoài ra, Tập đoàn vẫn có được doanh thu đáng kể từ kinh doanh thương mại, dịch vụ.

➤ Nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện năm 2016 không đạt như kế hoạch Đại hội cổ đông đã đề ra:

➤ Các Dự án cao su đã đến thời kỳ khai thác nhưng giá bán mủ cao su quá thấp, không đủ bù đắp chi phí, do đó ĐLGL đã phải tạm ngưng khai thác và đang đầu tư duy trì vườn cây.

Nhiều dự án của ĐLGL hiện nay vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, như các dự án nông nghiệp, dự án khách sạn tại Đà Nẵng và Đắk Nông, dự án thủy điện Đắk Pô Kô, dự án thủy điện Tân Thượng, các dự án bất động sản tại TP.HCM, đồng thời một số dự án khác đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục...

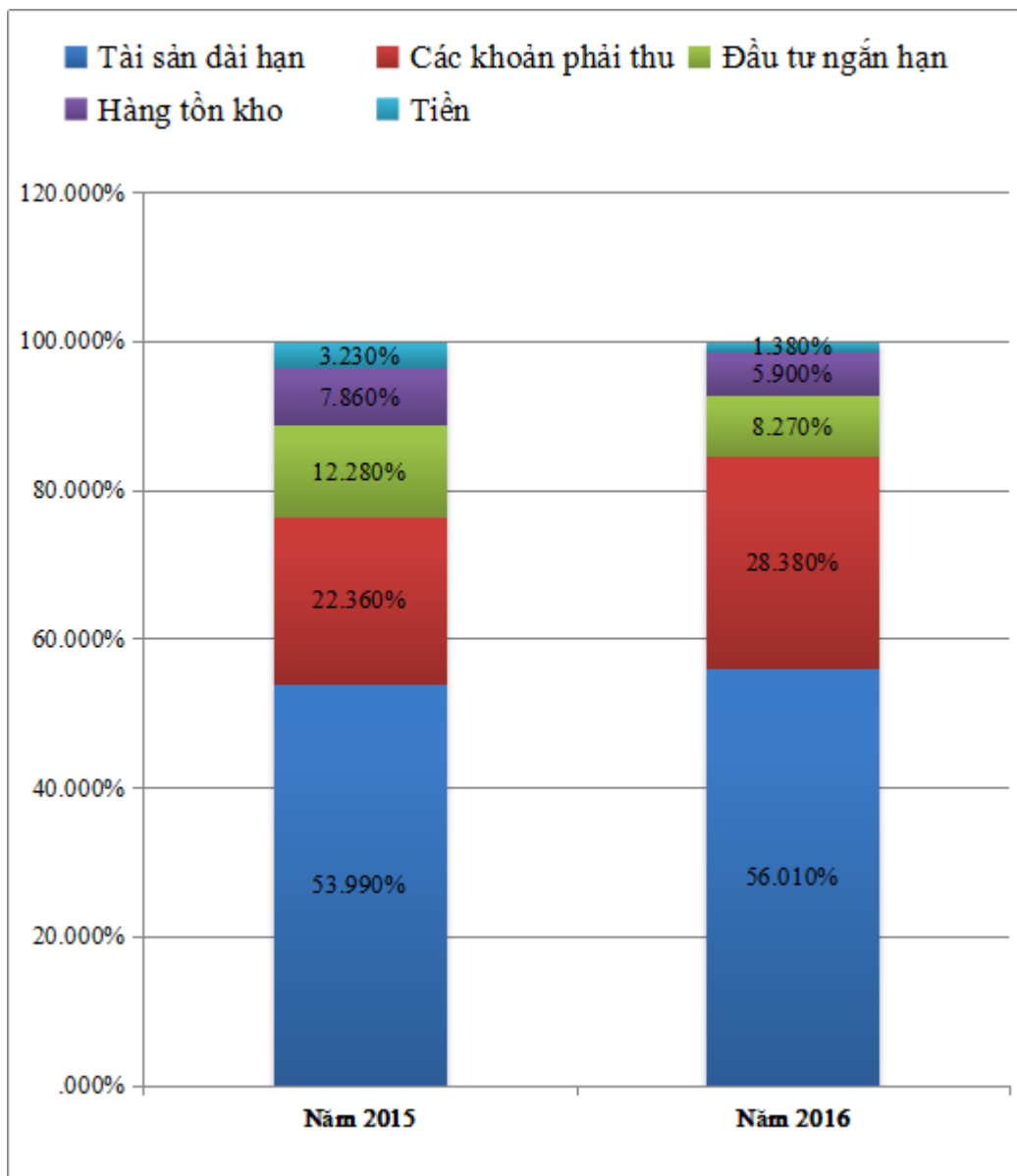
Mặc dù vậy, kết quả đạt được trong năm qua có thể được xem là bước phát triển khả quan của Tập đoàn ĐLGL trong tình hình nền kinh tế đất nước đang trên đà phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp trong nước chưa kịp thời thích nghi với tình hình mới và có doanh nghiệp lâm vào cảnh khó khăn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2015		2016		2016/2015
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	3.135.385	46,00%	3.084.461	43,99%	-1.62%
Tài sản dài hạn	3.680.222	54,00%	3.926.506	56,01%	6.69%
Tổng tài sản	6.815.607	100,00%	7.010.967	100,00%	2.87%

Tài sản dài hạn tăng 6.69% so với cùng kỳ, do tăng các khoản cho vay dài hạn, đồng thời cũng tăng chi phí xây dựng cơ bản cho các dự án đầu tư của Tập đoàn như: Dự án trồng rừng cao su Chư Púr, dự án chăn nuôi bò, khởi công dự án nhà máy thủy điện Tân Thượng... Đồng thời, tài sản ngắn hạn năm 2016 giảm 1.62% so với cùng kỳ 2015 là có sự giảm các khoản tiền gửi ngắn hạn và giảm chi phí dở dang do hình thành tài sản. Tuy vậy, tổng tài sản vẫn ở mức tăng trưởng 2.87%



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	2015		2016		2016/2015
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	1.201.278	25,78%	1.470.506	33.79%	22.41%
Nợ dài hạn	3.457.889	74,22%	2.881.778	66.21%	-16.66%
Tổng nợ	4.659.167	100,00%	4.352.285	100.00%	-6.59%

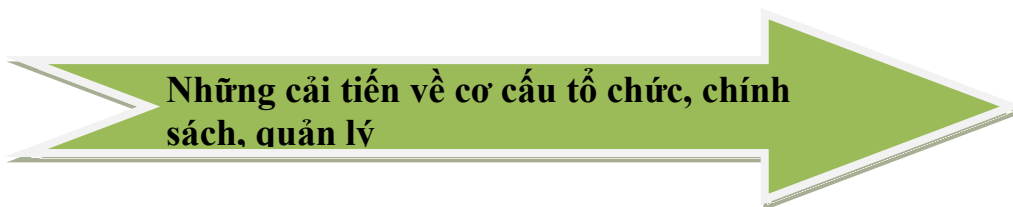
Nợ ngắn hạn tăng 22.41% đồng thời nợ dài hạn giảm 16.66% là do sự dịch chuyển các khoản nợ đến hạn từ dài hạn sang ngắn hạn chủ yếu của trái phiếu phát hành đến hạn trả. Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Đối với các khoản nợ trong hạn, Tập đoàn có đủ khả năng để tạo đủ nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ khi đến hạn.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.



Công tác quản trị:

- Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.

- Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK TP.HCM.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của tập đoàn thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động.

- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tập đoàn

được an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất.

Công tác nhân sự - lao động:

- Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực các phòng ban của Tập đoàn và các công ty, đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới.

- Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tọa đàm, sinh hoạt, vui chơi cho CBCNV nhân ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế Phụ nữ 8/3, Quốc tế thiếu nhi 01/6, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 và nhiều chương trình khác để nâng cao tinh thần đoàn kết, tạo sân chơi và rèn luyện tri thức, sức khỏe cho CBCNV.



THÀNH TỰU TRONG NĂM
2016

➔ **Phát triển cơ sở hạ tầng:**

- ĐLGL đã chính thức ký với UBND tỉnh Gia Lai Biên bản ghi nhớ đầu tư Dự án Khu trung tâm mở rộng phía Đông Chư Sê theo hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng với tổng mức đầu tư trên 400 tỷ đồng được xây dựng trên diện tích 11ha. Hiện nay, Tập đoàn ĐLGL hoàn tất các thủ tục pháp lý để khởi công xây dựng dự án vào cuối năm 2017. Ngoài ra, ĐLGL đã được UBND tỉnh Gia Lai đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng dự án Khu trung tâm hành chính huyện Đăk Đoa cũng bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng.

- ĐLGL đã lập thủ tục đầu tư và đang được UBND TP.HCM xem xét chủ trương đầu tư dự án đường Tam Tân và nút xoay cầu An Hạ bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng.



➔ **Bất động sản:**

- ĐLGL đã khởi công 03 dự án bất động sản lớn tại TP.HCM với 2.500 căn hộ, tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng và đang chuẩn bị khởi công một số dự án bất động sản khác vào năm 2017 - 2018.



➔ Sản xuất linh kiện điện tử:

ĐLGL đã hoàn tất thương vụ M&A và trở thành chủ sở hữu của Công ty ĐLGL-Hanbit Co.Ltd, trụ sở tại Seoul, Hàn Quốc. Ngoài ra, ĐLGL đã mua thành công Nhà máy điện tử Quality Systems Integrated Corporation (QSIC) của Mỹ tại Khu Công nghệ cao quận 9, TP.HCM. Ngoài ra, ĐLGL đang lập thủ tục đầu tư Nhà máy sản xuất đèn led tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nhờ đó, linh kiện điện tử đã trở thành ngành mũi nhọn, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng doanh thu của ĐLGL trong năm 2016 và những năm tiếp theo.



➔ Nông nghiệp

- ĐLGL tiếp tục mở rộng các dự án nông nghiệp tại các tỉnh Tây Nguyên. Trong năm 2016, ĐLGL đã hoàn tất thủ tục pháp lý cho các dự án nông nghiệp tại Quảng Phú, Đăk Nông và đưa 2.000 con bò giống về nuôi tại đây. Ngoài ra, ĐLGL đã được tỉnh Gia Lai chấp thuận là nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần các doanh nghiệp cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh: Công ty chè Biển Hồ, Công ty cà phê Gia Lai.



Thủy điện

- Tiếp tục thi công Dự án Thủy điện Đăk Pô Cô, dự kiến hoàn thành, phát điện vào cuối năm 2017. ĐLGL đã khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 750 tỷ đồng, cùng các dự án thủy điện nhỏ và vừa khác tại các tỉnh Lâm Đồng, Đăk Nông, Kon Tum. Bên cạnh đó, ĐLGL đang hoàn thiện các



thủ tục xin chủ trương đầu tư các dự án điện gió và điện mặt trời tại các tỉnh Đăk Lăk, Ninh Thuận, Bình Thuận...

Kết quả đạt được của ĐLGL trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư 2016 một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT trong việc lựa chọn đầu tư các lĩnh vực trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban lãnh đạo ĐLGL, sẵn sàng song hành cùng ĐLGL trong những chặng đường sắp tới. Với những nền tảng đạt được trong năm 2016, bước sang năm 2017, ĐLGL khẳng định sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đảm bảo vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

**KẾ HOẠCH 2017 VÀ GIAI ĐOẠN
2017-2022**

**Doanh thu: 2.800 tỷ
Lợi nhuận: 200 tỷ**



Bước sang giai đoạn mới 2017-2022, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chú trọng đầu tư, phát triển các lĩnh vực trọng tâm : *Bất động sản, Cơ sở hạ tầng, Năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, nông nghiệp.*

CƠ SỞ HẠ TẦNG

Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Dự án đường Tam Tân và Nút xoay An Hạ TP.HCM, dự án đường cao tốc Bắc - Nam, dự án Trung tâm hành chính huyện Chư Sê, dự án Trung tâm hành chính huyện Đăk Đoa... Ngoài ra, ĐLGL sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra.

Hoàn thành thủ tục đầu tư Nhà máy sản xuất đèn led tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đưa linh kiện điện tử trở thành ngành mũi nhọn, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng doanh thu của ĐLGL trong năm 2017 và những năm tiếp theo. Thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc tổ chức và chức năng hoạt động nhằm tăng năng suất hoạt động và phân bổ lại lực lượng cấp cao.

SX LINH KIỆN ĐIỆN TỬ

NÔNG NGHIỆP

Ngoài việc chăm sóc duy trì vườn cao su hiện có, ĐLGL đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng đa ngành nghề, đa sản phẩm, tập trung phát triển trồng trọt và chăn nuôi, bao gồm các ngành nghề: Chăn nuôi bò giống, bò thịt, chè, cà phê... tại các tỉnh Tây Nguyên. Đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược, mua cổ phần các doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa: Công ty chè Biển Hồ, Công ty Cà phê Gia Lai và Trung tâm giống gia súc lớn tại tỉnh Bình Dương.

Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án: Dự án thủy điện Đăk Pô Cô, dự án thủy điện Tân Thượng. Chuẩn bị thủ tục đầu tư các dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ 2018 - 2020. Lập thủ tục đầu tư các dự án năng lượng mặt trời tại các tỉnh: Đăk Lăk, Ninh Thuận, Bình Thuận, dự kiến đầu tư xây dựng các nhà máy năng lượng mặt trời với tổng công suất từ 700 - 800 MW, vốn đầu tư từ 20.000 - 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2018 - 2022.

NĂNG LƯỢNG

DLG đã khởi công 03 dự án bất động sản lớn tại TP.HCM với 2.500 căn hộ, tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng và đang chuẩn bị khởi công một số dự án bất động sản khác vào năm 2017 - 2018.

Ngoài 5 lĩnh vực trọng tâm là Cơ sở hạ tầng, sản xuất linh kiện điện tử, nông nghiệp, năng lượng và bất động sản, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.

Thực hiện rà soát lại toàn bộ những đơn vị, chi nhánh hoạt động kém hiệu quả nhằm hạn chế đầu tư dàn trải mà đầu tư có chọn lọc và tập trung vào một số dự án trọng tâm, thuộc các ngành nghề chiến lược mà Tập đoàn đang có nhiều lợi thế để tăng doanh thu và mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo tập trung sức mạnh và nguồn lực, phát triển theo hướng chuyên ngành.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Dự án BOT đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn km 1610 - Cầu 110 (Km 1667+570) đã hoàn thành các hạng mục chính và đưa vào sử dụng ngày 26/10/2015. Hiện nay công ty vẫn tiếp tục một số hạng mục phát sinh thêm và hạng mục phụ trợ.

Ngày 20/04/2016, Thanh tra Bộ Giao Thông vận tải đã có kết luận thanh tra và kiến nghị giảm trừ một số chi phí của dự án. Theo đó, giá trị các hạng mục đã hoàn thành của dự án đến thời điểm 31/12/2015 được tạm tính là 1,174.87 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí dự phòng).

Ngày 10/11/2016, Kiểm toán Nhà nước có văn bản số 502/KTNN-TH về báo cáo kiểm toán dự án. Theo đó, kiểm toán đã cắt giảm thêm một số chi phí và tạm xác định giá trị các hạng mục đã hoàn thành của dự án đến 30/06/2016 là 1,157.064 tỷ đồng.

Tập đoàn cho rằng, các kết luận nêu trên thể hiện giá trị tạm tính, không phải là giá trị phê duyệt cuối cùng nên chưa điều chỉnh số liệu. Nguyên giá của các hạng mục đã hoàn thành đến 31/12/2016 hiện được ĐLGL phản ánh trên báo cáo tài chính theo chi

phí thực tế phát sinh là 1,232,799,487,702 đồng và khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án tại hợp đồng: Xây dựng – Kinh doanh – chuyển giao số 12699/HĐ.BOT-BGTVT ngày 25/11/2013 là 20 năm 4 tháng 2 ngày. Hiện nay, Tập đoàn đang khẩn trương hoàn thành hồ sơ quyết toán giá trị công trình, thực hiện việc kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án để trình Bộ Giao thông Vận tải xem xét, chấp thuận giá trị quyết toán chính thức của dự án.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Về an sinh xã hội: Trong năm qua, ĐLGL đã đóng góp tích cực vào công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao của tỉnh nhà. Cụ thể, Công ĐLGL đã hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, người nghèo trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, tham gia tài trợ chính cho các hoạt động thể thao của tỉnh nhà, số tiền hỗ trợ cho các hoạt động lên đến 10 tỷ đồng .

Về chính sách cho người lao động: ĐLGL đã quan tâm xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, cơ chế tiền lương, thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng và đào tạo được nhiều nhân sự cấp cao có năng lực, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của Tập đoàn. Tổ chức thăm quan du lịch và các sự kiện văn hoá cho các nữ CBCNV trong toàn Tập đoàn nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 và nhiều chương trình đoàn thể khác để nâng tinh thần đoàn kết, tạo sân chơi rèn luyện sức khỏe cho toàn thể CBCNV.

Về môi trường: Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng bị xử phạt do vi phạm cam kết về môi trường với các cơ quan chức năng.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21%. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển. Tái cơ cấu nền kinh tế đạt một số kết quả. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh có tiến bộ. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả.

Bên cạnh những thuận lợi, cả nước đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo. Giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp. Tình hình Biển Đông phức tạp. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh. Thiên tai, rét đậm, rét hại ở phía Bắc, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống của người dân.

Trong bối cảnh trên, HĐQT ĐLGL đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách tài chính, tiền tệ của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình để đưa ra những biện pháp ứng phó kịp thời, liên tục điều chỉnh để phù hợp với mọi biến động của thị trường. Tập đoàn đã định hướng chiến lược phát triển: Tiếp tục chú trọng phát triển chuyên sâu các ngành nghề kinh doanh truyền thống, đồng thời tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

Chủ trương đúng đắn đó đã được thể hiện qua những con số mà ĐLGL đã phấn đấu đạt được như sau: Kết thúc năm tài chính 2016, ĐLGL đạt doanh thu 2,490 tỷ đồng, tăng 51.39% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt 95,720 tỷ đồng, tăng 15.59 % so với cùng kỳ năm 2015. Mặc dù kết quả đạt được chưa đáp ứng các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông năm 2016 đề ra, nhưng tốc độ tăng trưởng được đánh giá là vượt bậc so với các năm gần đây, thỏa mãn được yêu cầu và đảm bảo được quyền lợi của cổ đông.

Năm 2016 là năm Tập đoàn đã tiếp cận và được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án quan trọng, tầm cỡ quốc gia như: Đường cao tốc

Bắc Nam, đường Tam Tâm và nút giao thông tại chân đường dẫn vào cầu An Hạ thuộc Khu đô thị Tây Bắc TP. HCM, các dự án điện năng lượng mặt trời và điện gió tại Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk. Ngoài ra, DLGL đã có nhiều sự kiện để lại dấu ấn quan trọng và ý nghĩa:

- Khởi công Dự án thủy điện Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng;
- Khởi công 03 dự án bất động sản tại TP. HCM với 2.500 căn hộ, tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng.
- Hoàn tất thương vụ M&A, trở thành chủ sở hữu của Công ty DLG-Hanbit Co.Ltd, trụ sở tại Seoul, Hàn Quốc.
- Mua Nhà máy điện tử Quality Systems Integrated Corporation (QSIC) của Mỹ tại Khu Công nghệ cao quận 9, Tp.HCM.
- Ký Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư dự án Khu trung tâm mở rộng phía Đông Chư Sê bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng.
- Chuyển về làm việc tại Hội sở mới - số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, TP.Pleiku, Gia Lai. Đây được xem Là cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển không ngừng của hơn 20 năm hình thành và phát triển của DLGL.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động Ban điều hành:

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tập đoàn trung thành với chiến lược sau khi tái cấu trúc các ngành nghề, dựa trên các nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: **“Đổi mới - Phát triển - Chia sẻ - Đoàn kết - Tôn chỉ pháp luật”**; với mục tiêu: **“Xây dựng ĐLGL thành một tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt nam cả về quy mô vốn, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đồng bộ và chất lượng cao”**.

Định hướng của ĐLGL sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Bất động sản, Cơ sở hạ tầng, Năng lượng; Sản xuất linh kiện điện tử và Nông nghiệp.

Để triển khai thực hiện thành công định hướng chiến lược đã đề ra, cần tập trung các giải pháp sau:

Về bất động sản: Hoàn thiện thủ tục đầu tư 08 dự án bất động sản tại quận 2, quận 4, quận 7, quận 8 và quận Bình Tân, TP.HCM. Hoàn thiện việc xây dựng và bán hết các căn hộ thuộc dự án Đức Long Golden Land (Quận 7), Đức Long Newland (Quận 8) và Đức Long Western park (Quận Bình Tân). Tiếp tục khởi công các dự án bất động sản còn lại với định hướng tập trung đầu tư vào phân khúc thị trường căn hộ vừa và nhỏ, Officetel và Shop house. Phát triển thêm nhiều dự án bất động sản từ nguồn đất của các dự án đổi đất lấy hạ tầng tại các quận, huyện của TP.HCM và các huyện Chư Sê, huyện Đăk Đoa của tỉnh Gia Lai...

Về cơ sở hạ tầng: Làm tốt công tác thu phí các dự án BOT tại Đăk Nông và Gia Lai. Tiếp tục thi công, hoàn thành các hạng mục còn lại từ nguồn dự phòng các dự án BOT. Ngoài ra, ĐLGL sẽ tiếp tục tìm kiếm, tham gia đầu tư các dự án lớn về cơ sở hạ tầng như: Đường cao tốc Bắc - Nam, đường Tam Tân và nút xoay cầu An Hạ (TP. HCM), dự án Trung tâm hành chính huyện Chư Sê, Trung tâm hành chính huyện Đăk Đoa bằng các hình thức BT đổi đất lấy hạ tầng và các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

Về năng lượng: Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng dự án thủy điện Đăk Pô Cô, hoàn thành việc xây dựng và bắt đầu bán điện thương mại vào tháng 10/2017. Đẩy mạnh thi công dự án thủy điện Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng để hoàn thành và bán điện trong năm 2018. Chuẩn bị thủ tục đầu tư các dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công giai đoạn 2018 - 2020. Lập thủ tục đầu tư các dự án năng lượng mặt trời tại các tỉnh: Đăk Lăk, Ninh Thuận, Bình Thuận, dự kiến đầu tư xây dựng các nhà máy năng lượng mặt trời với tổng công suất từ 700 - 800 MW, vốn đầu tư từ 20.000 - 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2018 - 2022.

Về đầu tư, sản xuất linh kiện điện tử: Tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quán, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc và nhà máy Hanbit tại Seoul, Hàn Quốc. Đưa nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM vào sản xuất và xuất khẩu. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 01 nhà máy sản xuất đèn led tại thành phố Đà Nẵng.

Về nông nghiệp: Ngoài việc chăm sóc duy trì vườn cao su hiện có, DLGL đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng đa ngành nghề, đa sản phẩm, tập trung phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Cụ thể, chăn nuôi bò giống, bò thịt, trồng chè, cà phê... tại các tỉnh Tây Nguyên. Đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược, mua cổ phần các doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa như Công ty chè Biển Hồ, Công ty Cà phê Gia Lai và Trung tâm giống gia súc lớn tại tỉnh Bình Dương.

Đối với các ngành nghề truyền thống (khai thác và chế biến đá, đồ gỗ, bến xe, bãi đỗ, khách sạn, dịch vụ...) sẽ tập trung đầu tư chiều sâu và xem xét thoái vốn các công ty kinh doanh không có hiệu quả.



Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2017 - 2019:

Dự trên kết quả thực hiện năm 2016 và dự báo tình hình kinh tế - chính trị trong nước thời gian tới, HĐQT DLGL đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2017 - 2019 như sau:

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
- Doanh thu	2.800	3.500	4.000
- Lợi nhuận	200	300	450

Cơ sở để đưa ra chỉ tiêu kế hoạch của giai đoạn 2017 - 2019 xuất phát từ tình hình kinh tế vĩ mô trong nước. Theo đó, kinh tế trong nước đang tiếp tục tăng trưởng ổn định; Nghị quyết của Quốc hội Khóa 13, Kỳ họp thứ 11, đã đề ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020, Cụ thể: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5-7%/năm, đến năm 2020, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.200-3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP năm 2020 khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 32-34% GDP. Bội chi ngân sách Nhà nước năm 2020 dưới 4% GDP. Từ những thuận lợi của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, thì đây là cơ hội cho ĐLGL, đồng thời là sự khẳng định cho việc đề ra các chỉ tiêu trên là hoàn toàn phù hợp.

G iải pháp tổ chức thực hiện:

Chỉ đạo Ban TGD nâng cao năng lực điều hành, có các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, nhằm mục đích giúp cho việc sử dụng hiệu quả vốn của Tập đoàn.

Chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhiều kinh nghiệm, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên để đảm nhận tốt nhiệm vụ của ĐLGL trong tình hình mới.

Duy trì các hoạt động giám sát, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao phó.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
Bùi Pháp	Chủ tịch Hội đồng quản trị	35,532,405	15.44%	- Chủ tịch HĐQT tại 7 công ty thành viên - Ủy viên HĐQT tại 1 công ty thành viên - Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty thành viên
Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên Hội đồng quản trị	944,022	0.41%	- Phó CT HĐQT tại 1 công ty thành viên - Ủy viên HĐQT tại 3 công ty thành viên - Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty thành viên
Phạm Anh Hùng	Ủy viên Hội đồng quản trị	0	0	- Ủy viên HĐQT tại 1 công ty thành viên. - Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty thành viên
Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị	10,532	0.005%	- Ủy viên HĐQT tại 2 công ty thành viên (kiêm Giám đốc tại 1 công ty thành viên)
Đoàn Nguyễn Tiêu	Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)	0	0	Ủy viên HĐQT tại 1 công ty thành viên.

Ông Bùi Pháp

Năm sinh: 1962

Trình độ: Chuyên viên kinh tế

Quá trình công tác:

- 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
- 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 17/01/2010 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



Ông Phạm Anh Hùng

Năm sinh: 1972

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

- 2000 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.
- 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 01/01/2014 đến nay : Tổng Giám đốc Tập đoàn Đức Long Gia Lai .

Ông Nguyễn Đình Trạc

Năm sinh: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- 1989 – 2007: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 1/1/2014 đến nay : Ủy viên HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai.





Ông Nguyễn Trung Kiên

Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.
- 03/2003 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.
- 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- 10/2010 -5/2013 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông.

Ông Đoàn Nguyên Tiêu

Năm sinh: 1976 Trình độ: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York

Từ 06/2006-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.

Từ 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp

Từ 08/2009-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc. Đến tháng 11/2014, kiêm nhiệm thêm chức danh Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT cụ thể:

- Chánh văn phòng kiêm nhiệm Thư ký Tập đoàn.
- Ban Nội chính kiêm nhiệm công tác tổ chức thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát nghiệp vụ.
- Các trợ lý Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ Trợ lý, tham mưu về chiến lược phát triển, kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:



Tổng kết các cuộc họp trong năm 2016

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012		8/8	100%	-
2	Ông Đỗ Thanh	Ủy viên	14/04/2012	16/04/2016	1/8	13%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 16/04/2016
3	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	14/04/2012		8/8	100%	-
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	25/05/2013		8/8	100%	-
5	Ông Phạm Anh Hùng	Ủy viên	25/05/2013		8/8	100%	-
6	Nguyễn Hồ Nam	Ủy viên	27/11/2014	16/04/2016	1/8	13%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 16/04/2016
7	Nguyễn Đăng Hải	Ủy viên	27/11/2014	16/04/2016	1/8	13%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 16/04/2016
8	Đoàn Nguyên Tiêu	Ủy viên	27/11/2014		8/8	100%	



Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT- ĐLGL	07/03/2016	Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
2	31/QĐ-HĐQT- ĐLGL	23/05/2016	Thông qua thời gian đăng ký chuyển đổi, thời điểm chuyển đổi và thông qua việc đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung 50.000.000 cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2015.
3	33/QĐ-HĐQT- ĐLGL	18/06/2016	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu ra công chúng.
4	04/NQ-HĐQT- ĐLGL	18/06/2016	Về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
5	36/QĐ-HĐQT- ĐLGL	28/06/2016	Về việc thông qua nội dung sửa đổi điều 5 của điều lệ Tập đoàn (thay đổi vốn điều lệ Tập đoàn vì tăng vốn từ chuyển đổi trước hạn trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2015 thành cổ phiếu).
6	06/NQ-HĐQT- ĐLGL	15/08/2016	Về việc phê duyệt phương án triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016.
7	05/QĐ-HĐQT- ĐLGL	16/11/2016	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai
8	11/NQ-HĐQT- ĐLGL	30/12/2016	Về việc gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Công ty có 2 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Ông Nguyễn Hồ Nam và Ông Đoàn Nguyên Tiêu. Tháng 4/2016 ông Nguyễn Hồ Nam, thành viên hội đồng quản trị độc lập đã miễn nhiệm. Trong năm thành viên hội đồng quản trị độc lập đã tham gia giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016, tham mưu Hội đồng quản trị để đưa ra những quyết sách hoạt động hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo Tập đoàn.

B

AN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Trần Cao Châu	Trưởng BKS	16/04/2016		3/3	100%	-
2.	Phan Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	24/04/2015		3/3	100%	-
3.	Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên BKS	25/05/2013		3/3	100%	-
4.	Lê Ngọc Minh	Thành viên BKS	25/05/2013	16/04/2016	0/3	0%	Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát từ ngày 16/04/2016

Hoạt động của BKS trong năm

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, căn cứ đặc điểm tình hình SXKD của Tập đoàn, Ban kiểm soát dựa vào các điều lệ, quy chế mà lập chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm 2016.

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, tổ chức ngày 16/4/2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Ngày 25/4/2016, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và các thành viên đã nhất trí bầu ông Trần Cao Châu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát. Các thành viên còn lại gồm:

- Bà Phan Thị Ngọc Anh - Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Nguyên - Thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng Quy định điều lệ Tập đoàn. Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ hàng quý, đồng thời liên tục thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát, cụ thể như sau:

Thống kê các buổi họp

Trong năm 2016, BKS đã tổ chức 03 buổi họp với các nội dung cụ thể:

Stt	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Bầu trưởng BKS và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban.	25/4/2016	- Bầu chức danh Trưởng ban. - Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2016. - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%.
2	Họp 6 tháng đầu năm 2016.	01/7/2016	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2016.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%.
3	Họp quý 4 và tổng kết năm 2016.	04/01/2017	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 4, tổng kết năm 2016 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2017.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%.

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao được tốt hơn.

- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2016 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Tập đoàn.
- Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, lĩnh vực điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ

Đánh giá của BKS

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2016 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

- HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.

- HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2016, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.

- Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của DLGL trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2016, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và kế hoạch thực hiện năm 2016; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên năm 2016 theo đúng quy định.

BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, đáp ứng được quy mô phát triển ngày càng cao trong hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tập đoàn. Tạo tiền đề tích cực không chỉ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017, mà còn là cơ sở cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong các năm tiếp theo. BKS kiến nghị HĐQT và Ban TGD như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có.
- Tiếp tục hoạch định và phát triển các nhóm ngành nghề truyền thống, tập trung phát triển trong nước các dự án có tính chiến lược, có quy mô lớn và dài hạn. Về đầu tư ra nước ngoài, ngoài việc tăng cường kiểm soát hiệu quả kinh doanh tại các nước đã đầu tư, Tập đoàn cần phải mở rộng công tác khảo sát và đầu tư hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác.
- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới.

- ▶ Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong việc tổ chức thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Tập đoàn.
- ▶ Hoạch định đầu tư phát triển, có chính sách phù hợp để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ▶ Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, định mức có tính khoa học để phản ánh đầy đủ các mặt sản xuất kinh doanh, nhằm đo lường đánh giá chuẩn xác quá trình điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của từng cấp quản lý.
- ▶ Tăng cường công tác dự báo, đề ra các giải pháp khắc phục phù hợp để kiểm soát và hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm: do kết quả kinh doanh trong năm không đạt như kỳ vọng nên các thành viên HĐQT, BKS tự nguyện không nhận thù lao, thưởng và các lợi ích khác.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2016 Ông Bùi Pháp Chủ tịch HĐQT đăng ký mua 10.000.000 Cổ phiếu.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn:

ĐLGL đã xây dựng quy chế quản trị Tập đoàn từ năm 2010, được điều chỉnh sửa đổi qua các năm và thực hiện xuyên suốt trong quá trình hoạt động từ trước đến nay. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2016 ĐÃ KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán
Bảng cân đối kế toán
Kết quả kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 643/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 30/03/2017, từ trang 8 đến trang 66, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã được trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 15, Dự án BOT đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn km 1610 – Cầu 110 (km 1667 + 570) (“Dự án”) đã hoàn thành các hạng mục chính và đưa vào sử dụng ngày 26/10/2015. Hiện nay, Công ty vẫn chưa điều chỉnh giá trị Dự án theo kết luận của Thanh tra Bộ Giao thông Vận tải và Kiểm toán nhà nước mà ghi nhận giá trị Dự án này theo chi phí thực tế phát sinh của các hạng mục đã hoàn thành. Tại ngày 31/12/2016, tổng nguyên giá các tài sản thuộc Dự án đang phản ánh trên báo cáo tài chính đính kèm là 1.232.799.487.702 đồng và được khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm theo thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của Dự án (quy định tại Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao số 12699/HĐ.BOT-BGTVT ngày 25/11/2013 giữa Công ty

và Bộ Giao thông Vận tải) là 20 năm 04 tháng 02 ngày. Theo đó, giá trị Dự án và thời gian thu phí hoàn vốn của Dự án này sẽ còn thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt quyết toán chính thức của Bộ Giao thông Vận tải sau này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.084.461.835.360	3.135.385.580.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	96.808.960.822	220.107.949.123
1. Tiền	111		55.799.705.616	96.121.254.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.009.255.206	123.986.695.034
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		580.094.590.556	837.264.666.667
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	264.000.000.000	264.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.a	316.094.590.556	573.264.666.667
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.990.008.870.087	1.523.713.012.610
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	601.506.674.812	421.320.582.095
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	249.464.982.797	196.979.291.054
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.a	900.157.764.619	701.001.957.372
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	253.259.588.778	217.129.586.506
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(14.380.140.919)	(12.727.607.230)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	9.202.813
IV. Hàng tồn kho	140	13	413.496.716.240	535.383.509.352
1. Hàng tồn kho	141		430.989.454.152	555.758.377.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.492.737.912)	(20.374.868.068)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.052.697.655	18.916.443.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	374.285.506	1.201.639.542
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.677.359.715	17.209.941.556
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	1.052.434	504.861.907
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.926.506.138.248	3.680.221.906.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		248.386.304.573	182.708.702.723
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10.b	225.647.099.300	157.343.713.318
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	22.739.205.273	25.364.989.405
II. Tài sản cố định	220		2.589.835.115.240	2.536.676.671.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	2.505.050.232.608	2.472.217.311.059
- Nguyên giá	222		2.947.624.020.324	2.837.238.847.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(442.573.787.716)	(365.021.536.378)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	84.784.882.632	64.459.360.881
- Nguyên giá	228		196.761.729.819	166.169.051.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.976.847.187)	(101.709.690.294)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	108.216.516.657	108.928.078.646
- Nguyên giá	231		124.210.456.151	121.311.884.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.993.939.494)	(12.383.805.810)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		603.458.413.186	460.347.766.841
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	603.458.413.186	460.347.766.841
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		56.466.429.083	41.337.243.414
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.b	26.615.469.977	26.450.981.778
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	32.225.730.632	15.751.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.c	(2.374.771.526)	(2.265.238.364)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		320.143.359.509	350.223.443.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	39.418.056.499	41.474.594.822
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	17.638.601.978	18.164.978.676
3. Lợi thế thương mại	269	20	263.086.701.032	290.583.869.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.010.967.973.608	6.815.607.487.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.352.285.176.840	4.659.167.400.422
I. Nợ ngắn hạn	310		1.470.506.504.376	1.201.278.547.823
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	411.726.186.278	609.145.972.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	87.537.482.335	40.826.783.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	72.177.785.538	51.611.529.683
4. Phải trả người lao động	314		26.744.859.163	24.575.230.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	67.566.339.431	44.274.125.874
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	585.354.550	496.919.698
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26.a	109.573.887.271	113.132.159.636
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27.a	695.132.641.618	317.745.315.095
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(538.031.808)	(529.489.741)
II. Nợ dài hạn	330		2.881.778.672.464	3.457.888.852.599
1. Phải trả dài hạn khác	337	26.b	7.746.335.250	74.595.230.845
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27.b	2.867.395.107.764	2.915.632.941.375
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	438.110.772.258
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	4.660.288.530	2.629.387.586
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	1.976.940.920	26.920.520.535
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.658.682.796.768	2.156.440.087.252
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.658.682.796.768	2.156.440.087.252
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	2.301.443.420.000	1.691.861.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.301.443.420.000	1.691.861.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	50.512.788.328	49.928.104.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	30	-	94.188.783.378
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	30	-	8.977.680.000
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	30	12.540.175.048	10.031.813.727
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	6.196.436.959	11.134.542.824
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30	130.005.849.689	133.480.076.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.230.076.884	45.188.069.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64.775.772.805	88.292.006.959
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		157.984.126.744	156.837.915.939
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		7.010.967.973.608	6.815.607.487.674



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.490.622.091.974	1.645.084.969.683
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.340.460.925	7.369.879.408
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.477.281.631.049	1.637.715.090.275
4. Giá vốn hàng bán	11	33	2.004.465.067.580	1.481.048.765.115
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		472.816.563.469	156.666.325.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	87.908.305.215	104.493.457.068
7. Chi phí tài chính	22	35	309.517.738.879	159.455.236.286
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		295.657.059.415	162.207.084.144
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		164.488.199	204.492.177
9. Chi phí bán hàng	25	36.a	18.970.902.120	14.521.100.051
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36.b	131.360.007.832	64.186.030.221
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.040.708.052	23.201.907.847
12. Thu nhập khác	31	37	2.916.680.824	64.029.845.334
13. Chi phí khác	32	38	8.236.708.535	4.422.348.561
14. Lợi nhuận khác	40		(5.320.027.711)	59.607.496.773
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.720.680.341	82.809.404.620
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	27.390.691.416	7.073.815.733
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.602.736.346	(5.325.788.529)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		65.727.252.579	81.061.377.416
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		60.218.634.770	82.680.971.121
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.508.617.809	(1.619.593.705)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	287	506
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	40	287	506



Ông Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.720.680.341	82.809.404.620
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15,16,17,20	137.150.122.302	(13.653.806.767)
- Các khoản dự phòng	03		(25.056.336.312)	516.761.952
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	04	34	(107.439.589)	(1.135.421)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	34,35,37,38	(72.920.139.016)	(104.302.257.013)
- Chi phí lãi vay	06	35	295.657.059.415	162.207.084.144
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		430.443.947.141	127.576.051.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(200.717.744.529)	(52.505.789.139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		99.091.546.660	14.091.662.642
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế	11		12.861.824.883	144.447.432.135
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.491.217.956	459.148.443
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(211.831.833.772)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24,26,35	(306.640.649.710)	(97.399.626.110)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	23	(10.727.818.300)	(15.864.741.825)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.589.082.000)	(1.641.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.213.242.101	(92.668.906.111)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(534.568.184.108)	(1.302.556.066.334)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		5.655.125.450	127.537.335
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.475.339.387.918)	(2.063.030.289.499)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		1.412.975.787.760	1.644.570.192.228
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	13.603.782.108
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18.938.457.726	130.645.248.370
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,34	47.808.000.444	51.452.286.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(524.530.200.646)	(1.525.187.309.393)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		18.487.700.000	148.188.783.378
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.055.136.525.335	2.953.204.463.589
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(696.664.526.413)	(1.370.264.135.087)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	26, 30.d	(942.035.074)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		376.017.663.848	1.731.129.111.880
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(123.299.294.697)	113.272.896.376
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	220.107.949.123	106.621.225.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		306.396	213.827.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	96.808.960.822	220.107.949.123



Tổng Giám đốc

Phạm Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 28 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/03/2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn,...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốp; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp, bán buôn đá, cát, sỏi, xi măng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mũ cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Chế biến chè, cà phê);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê).

1.4. Cấu trúc tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty và 12 Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn:

- Trong kỳ Công ty đã thoái vốn, giải thể 04 công ty con, gồm:
 - ✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai (giải thể ngày 12/04/2016);
 - ✓ Công ty Cổ phần Giáo dục - Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai (giải thể ngày 20/04/2016);
 - ✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 30/04/2016);
 - ✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 31/03/2016).

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 12 công ty)

1. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 47.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,81%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,81%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 73A Nguyễn Trọng Tuyển, P. 15, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 3.400.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 48%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đăk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,6%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,6%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

4. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,49%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

6. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ côm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
- Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

7. Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
- Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 86,90%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.
- Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư.

8. Công ty TNHH Mass Noble Investments

- Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Giải thể ngày 12/04/2016.

10. Công ty Cổ phần Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Đại lý du lịch; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Hoạt động thể thao khác.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%.
- Tình trạng hoạt động: Giải thể ngày 20/04/2016.

11. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 31/03/2016)

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 31.420.260.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54,67%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (kết thúc kiểm soát ngày 30/04/2016)

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- o Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 94,12%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Các Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gồm 3 công ty):

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- o Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 33,33%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,33%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2016 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là Công ty do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tập đoàn nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của bên được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án BOT được thực hiện theo Công văn số 6092/BTC-TCDN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với tài sản cố định hình thành từ dự án BOT”. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	4 – 20
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7
Tài sản khác (Dự án BOT)	Theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	7
Chi phí triển khai	4
Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	17
Quan hệ khách hàng khế ước	10

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50

4.10 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.15 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

4.17 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận tách biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn trên báo cáo tài chính. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Sau ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng, phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Theo đó, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi cũng được điều chỉnh theo giá trị phân bổ hàng kỳ cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Thực tế, do không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, Công ty đã sử dụng lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu (11%/năm) để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

4.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.23 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.24 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.25 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.26 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,...: Áp dụng thuế suất 10%;
 - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20%.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:

- ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Virgin Islands thuộc Anh.
 - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
 - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
 - ✓ Đối với Công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	19.013.580.060	21.484.472.095
Tiền gửi ngân hàng	36.786.125.556	74.636.781.994
Tiền gửi có kỳ hạn (không quá 3 tháng)	41.009.255.206	123.986.695.034
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (*)	30.000.000.000	113.499.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Gia Lai (**)	11.009.255.206	10.487.695.034
Cộng	<u>96.808.960.822</u>	<u>220.107.949.123</u>

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

(**) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

6. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000	-
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai	264.000.000.000	-	264.000.000.000	-
Cộng	<u>264.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>264.000.000.000</u>	<u>-</u>

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 25/09/2015 về việc đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai và ủy quyền người đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai để quản lý vốn thì mục đích mua cổ phần của Công ty này là để bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng). Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Cổ phiếu của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, theo đó, Tập đoàn không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; vì vậy, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	316.094.590.556	316.094.590.556	573.264.666.667	573.264.666.667
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai (*)	14.094.590.556	14.094.590.556	13.264.666.667	13.264.666.667
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	302.000.000.000	302.000.000.000	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	316.094.590.556	316.094.590.556	573.264.666.667	573.264.666.667

(*) Khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

Tại ngày 31/12/2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	31/12/2016		01/01/2016
			Số lượng cổ phần	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Cty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (i2)	Đang hoạt động	20,0%	5.922	6.788.303.744	6.676.306.812
Cty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	Đang hoạt động	33,3%		19.827.166.233	19.774.674.966
Cộng				26.615.469.977	26.450.981.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016			01/01/2016		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn (i3)	Đang hoạt động	18,70%	56.000	5.600.000.000	-	-	5.600.000.000	-	-
Cty CP ĐT Xây dựng Nam Nguyên	Đang hoạt động		96.800	968.000.000	(968.000.000)	-	968.000.000	(968.000.000)	-
Cty CP Đầu tư và Phát triển DVCT CC ĐLGL (i1)	Đang hoạt động	11,29%	1.717.768	8.200.000.000	-	22.502.760.800	-	-	-
Cty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai (i2)	Đang hoạt động	9,70%		1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	-	-
Cty CP Đầu tư và PT Điện năng Đức Long GL	Đang hoạt động	2,88%	350.350	3.503.500.000	(399.648.516)	-	3.503.500.000	(471.079.169)	-
Cty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	Đang hoạt động	7,20%	48.000	480.000.000	(480.000.000)	-	480.000.000	(480.000.000)	-
Cty CP ĐT & KD Bất động sản ĐLGL	Đang hoạt động	4,00%	400.000	4.000.000.000	(527.123.010)	-	4.000.000.000	(346.159.195)	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ĐLGL (i2)	Đang hoạt động	8,17%	817.000	8.274.230.632	-	-	-	-	-
Cộng				32.225.730.632	(2.374.771.526)	22.502.760.800	15.751.500.000	(2.265.238.364)	-

(i1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai được xác định căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu DL1 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 31/12/2016. Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác.

(i2) Các Công ty hoạt động đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(i3) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Tập đoàn cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	68.337.488.136	121.246.059.976
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	17.254.758.400	47.920.083.400
Whirlpool Overseas Manufacturing, S.a.r.l	28.151.749.858	23.682.903.337
Lithonia Lighting, A Division	23.016.912.458	-
Công ty CP Công nghiệp KTCB Đá Tây Nguyên	55.998.877.380	17.543.755.480
Tập Đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong& Công ty TNHH ĐTPMT MTV Lào	136.947.625.974	-
Azad International (HK) Ltd.	17.530.353.915	19.515.031.401
Caradon MK Electric Ltd (Sub CAA)	56.628.496.566	62.492.698.111
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	32.692.007.652	-
Các đối tượng khác	164.948.404.474	128.920.050.390
Cộng	601.506.674.812	421.320.582.095

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Công ty liên kết	68.337.488.136	121.246.059.976
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	5.493.480.133	4.910.777.407
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư	10.383.029.454	8.983.810.042
Các đối tượng khác	Công ty nhận đầu tư	227.691.200	139.838.066
Cộng		84.441.688.923	135.280.485.491

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Công nghiệp Khai thác CB Đá Tây Nguyên	109.057.170.728	95.519.648.768
Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	75.100.000.000	-
Các đối tượng khác	65.307.812.069	101.459.642.286
Cộng	249.464.982.797	196.979.291.054

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Công ty nhận đầu tư	11.177.846.159	11.127.846.159
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	7.432.390.621	6.704.486.043
Công ty CP Đầu tư Phát triển DV CTCC ĐLGL	Công ty nhận đầu tư	67.000.000	-
Cộng		18.677.236.780	17.832.332.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Cho vay ngắn hạn	778.922.126.752	617.719.231.990
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sài Gòn (i1)	312.295.127.000	408.490.727.000
- Ông Nguyễn Thanh Lâm (i2)	345.255.255.829	184.238.582.345
- DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC (i3)	7.972.371.581	6.972.000.000
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (i4)	9.309.361.807	-
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên (i5)	16.332.137.994	12.017.853.104
- Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh Bất động sản ĐLGL (i6)	6.000.069.541	6.000.069.541
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I (i7)	8.637.280.000	-
- Các đối tượng khác (i8)	73.120.523.000	-
Cho mượn ngắn hạn (i9)	121.235.637.867	83.282.725.382
- Ông Đỗ Thành Nhân	20.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Tuấn Vũ	39.500.000.000	-
- Đặng Công Bình	15.000.000.000	-
- Nguyễn Đình Thiện	16.050.000.000	-
- Hồ Thị Mỹ Trinh	27.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.685.637.867	83.282.725.382
Cộng	900.157.764.619	701.001.957.372

- (i1) Cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sài Gòn vay vốn với thời hạn là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm theo Hợp đồng số 09/HĐVV-DLGL ngày 01/07/2014 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐVV ngày 20/12/2015, thời hạn cho vay là 1 năm từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016.
- (i2) Cho ông Nguyễn Thanh Lâm vay vốn với thời hạn là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm theo Hợp đồng số 01/2016/HĐVV-ĐLGL ngày 01/04/2016.
- (i3) Cho DNTN Du lịch Lữ hành và Đầu tư Xây dựng NHHTC vay theo Hợp đồng số 10/HĐCMT/2012 ngày 07/07/2012, thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền cho vay là 7.972.371.581 đồng, thu tính đến thời điểm 31/12/2017 toàn bộ khoản nợ này đã đến hạn thanh toán.
- (i4) Cho Công ty CP Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01/MV/2016 ngày 01/01/2016, thời hạn cho vay là 18 tháng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2017 với lãi suất 0,5%/năm.
- (i5) Cho Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên vay theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 08/01/2016, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 0,5%/năm.
- (i6) Cho Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng ngày 01/01/2016, thời hạn cho vay là 20 tháng (kể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2017) với lãi suất 0,5%/năm.
- (i7) Cho Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I vay theo hợp đồng số 02/HĐ-HTV ngày 01/04/2016 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2016, hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 21 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay: 6%/năm.
- (i8) Cho các cá nhân vay tiền theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời gian cho vay tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng), lãi suất cho vay là 6%/năm.
- (i9) Cho các Công ty mượn tiền theo Thông báo số 22b/TB-TGD ngày 20/01/2015, cho các cá nhân mượn theo từng Hợp đồng mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tháng).

Các đối tượng, cá nhân đã vay không phải là cổ đông Công ty và không có bất kỳ mối quan hệ nào liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Cho vay dài hạn	225.647.099.300	157.343.713.318
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (*)	65.441.054.300	65.441.054.300
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quát	-	90.902.287.437
- DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	-	1.000.371.581
- Nguyễn Tân Tiến (**)	140.956.045.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (***)	19.250.000.000	-
Cộng	225.647.099.300	157.343.713.318

(*) Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV-CTTR ngày 17/01/2012 và Phụ lục hợp đồng ngày 02/10/2013, thời hạn thu hồi khoản cho vay từ ngày 30/06/2015 đến ngày 30/12/2020, lãi suất cho vay: tính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng Sacombank Thành phố Hồ Chí Minh tại từng thời điểm. Số tiền cho vay ban đầu là 149.175.000.000 đồng.

(**) Cho ông Nguyễn Tân Tiến vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2016/HĐVV-DLGL ngày 05/04/2016, thời hạn cho vay là 18 tháng (từ ngày 05/04/2016 đến ngày 05/10/2017) với lãi suất 9,5%/năm, phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/10/2016 gia hạn thời gian trả nợ bắt đầu từ 31/01/2018.

(***) Cho Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01//VV/2016 ngày 20/09/2016, thời hạn cho vay từ ngày 20/09/2016 đến ngày 20/09/2026 với lãi suất 10,2%/năm. Số tiền cho vay là 20.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2017 là 750.000.000 đồng.

c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Cho vay		-	90.902.287.437
Công ty TNHH Đức Long Dung Quát	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	-	90.902.287.437
Cho mượn		6.253.812.441	9.620.063.657
Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh Bất động sản ĐLGL	Công ty nhận đầu tư	6.000.069.541	6.000.069.541
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty nhận đầu tư	-	2.219.749.685
Công ty TNHH Đức Long Dung Quát	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	-	1.400.244.431
Các đối tượng khác		253.742.900	-
Cộng		6.253.812.441	100.522.351.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	10.858.231.638	-	10.440.318.191	-
Phải thu về lãi cho vay				
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	1.635.037.883	-	2.010.037.883	-
- DNTN DL Lữ hành & ĐT Xây dựng NHHTC	974.653.388	(974.653.388)	974.653.388	(759.366.355)
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	-	-	16.185.312.138	-
- Công ty CP Quốc tế Sài Gòn	46.610.648.101	-	25.365.478.587	-
- Nguyễn Tân Tiến	8.871.577.178	-	-	-
- Nguyễn Thanh Lâm	18.705.064.735	-	4.526.495.063	-
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (lãi cho vay)	12.845.635.237	-	10.350.596.717	-
- Các đối tượng khác	775.658.805	-	96.833.335	-
Tạm ứng	19.617.726.429	(67.479.236)	18.838.282.308	(67.479.236)
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Sài Gòn (*)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.935.663.536	-	6.814.309.696	-
Phải thu BHXH, BHYT	39.735.779	-	-	-
Phải thu khác	26.389.956.069	(1.557.012.357)	21.527.269.200	(1.307.578.912)
Cộng	253.259.588.778	(2.599.144.981)	217.129.586.506	(2.134.424.503)

(*) Là khoản góp vốn của Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai (công ty con) cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Sài Gòn để tìm kiếm, nhận chuyển nhượng các dự án nông nghiệp đang sản xuất, đầu tư dở dang với diện tích 3.500 ha tại các tỉnh Tây Nguyên theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/DLGL-HTĐT ngày 5/11/2014. Theo đó, sau khi tìm kiếm và nhận chuyển nhượng dự án thành công, số tiền góp vốn thực tế của mỗi bên sẽ được quy thành vốn góp cổ phần theo tỷ lệ tương ứng trong các Công ty sở hữu dự án cụ thể. Thời gian hợp tác là 150 ngày từ 01/12/2014 đến ngày 05/05/2015 và được gia hạn đến ngày 30/06/2017 theo Phụ lục Hợp đồng số 02/DLGL – HTDT ngày 02/05/2016.

b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (lãi cho vay)	22.739.205.273	-	25.364.989.405	-
Cộng	22.739.205.273	-	25.364.989.405	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Phải thu khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	1.635.037.883	2.010.037.883
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung cổ đông lớn, có ảnh hưởng đáng kể	-	16.185.312.138
Cộng		<u>1.635.037.883</u>	<u>18.195.350.021</u>

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	10.328.906.486	6.197.733.770
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.135.519.073	3.983.785.358
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.616.915.360	2.244.480.102
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	298.800.000	301.608.000
Cộng	<u>14.380.140.919</u>	<u>12.727.607.230</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: nợ xấu

	31/12/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	5.698.989.619	467.399.009		
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	-	Trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Các đối tượng khác	5.165.327.919	467.399.009	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi
Trả trước người bán	3.035.913.627	274.750.299		
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	1.490.000.000	-	Trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
- Các đối tượng khác	1.545.913.627	274.750.299	Trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
Tạm ứng	67.479.236	-		
- Nguyễn Văn Hòa	67.479.236	-	Trên 3 năm	Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng
Phải thu về cho vay	5.976.000.000	2.290.800.000		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	5.976.000.000	2.290.800.000	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Đang khởi kiện
Phải thu khác	2.831.641.763	196.934.018		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	974.653.388	-	Trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Phạm Trung	656.446.732	196.934.018	Từ 2-3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Bùi Tịnh	212.744.976	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Võ Châu Hoàng	490.630.823	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Lê Thế Kỳ	199.500.000	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	297.665.844	-	Trên 3 năm	Chưa thu hồi được
Cộng	17.610.024.245	3.229.883.326		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2016				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	6.467.605.933	371.183.017		
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	-	Trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Công ty VACHETTI GIUSEPPE S.P.A	636.431.769	-	Trên 3 năm	Không còn giao dịch với khách hàng
- Các đối tượng khác	5.297.512.464	371.183.017	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi
Trả trước người bán	2.707.495.109	3.568.300		
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	1.490.000.000	-	Trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
- Các đối tượng khác	1.217.495.109	3.568.300	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Không thực hiện hợp đồng
Tạm ứng	67.479.236	-		
- Nguyễn Văn Hòa	67.479.236	-	Trên 3 năm	Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng
Phải thu về cho vay	3.984.000.000	2.191.200.000		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	3.984.000.000	2.191.200.000	Từ 6 tháng đến 2 năm	Đang khởi kiện
Phải thu khác	2.937.158.162	870.179.893		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	974.653.388	215.254.033	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Đang khởi kiện
- Phạm Trung	656.446.732	328.223.366	Từ 1-2 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Võ Châu Hoàng	490.630.823	187.189.246	Từ 1-3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Lê Thế Kỳ	199.500.000	-	Trên 3 năm	CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	615.927.219	139.513.248	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Chưa thu hồi được
Cộng	16.163.738.440	3.436.131.210		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.626.321.710	(13.105.082.624)	50.366.614.359	(16.378.075.728)
Công cụ, dụng cụ	1.679.181	-	5.518.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.200.955.901	(418.036.488)	147.832.179.424	(1.112.586.362)
Thành phẩm	30.057.968.006	(3.969.618.800)	29.981.681.905	(2.884.205.978)
Thành phẩm bất động sản đầu tư	36.157.690.567	-	62.798.142.842	-
Hàng hóa	210.944.838.787	-	264.774.239.891	-
Cộng	430.989.454.152	(17.492.737.912)	555.758.377.420	(20.374.868.068)

- Toàn bộ giá trị thành phẩm bất động sản (36.157.690.567 đồng) đã được dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.082.612	557.631.085
Chi phí bảo hiểm	18.509.583	196.080.173
Chi phí trả trước khác	287.693.311	447.928.284
Cộng	374.285.506	1.201.639.542

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	520.433.640	1.176.961.260
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	407.745.415	661.090.894
Tiền thuê đất và nhà (*)	37.712.987.528	38.677.217.667
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	776.889.916	959.325.001
Cộng	39.418.056.499	41.474.594.822

- (*) Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	184.546.794.975	291.324.474.637	39.386.274.304	27.226.044.190	2.294.755.259.331	2.837.238.847.437
Phân loại lại	(6.727.572.756)	20.700.173.523	-	(13.972.600.767)	-	-
Mua sắm trong kỳ	16.165.439.117	5.587.475.230	832.742.703	2.058.649.395	-	24.644.306.445
XDCB hoàn thành	27.916.313.979	-	-	-	109.773.679.636	137.689.993.615
CL do chuyển đổi	220.911.084	3.327.462.911	42.467.700	83.166.198	-	3.674.007.893
TL, nhượng bán	-	12.713.241.363	994.545.455	10.667.100	658.491.855	14.376.945.773
Giảm do hợp nhất	26.656.379.673	-	9.845.574.494	67.400.000	1.778.263.431	38.347.617.598
Giảm do mất QKS	2.898.571.695	-	-	-	-	2.898.571.695
Công ty con						
Số cuối kỳ	192.566.935.031	308.226.344.938	29.421.364.758	15.317.191.916	2.402.092.183.681	2.947.624.020.324
Khấu hao						
Số đầu kỳ	50.334.680.923	263.181.287.176	23.096.350.757	8.093.587.177	20.315.630.345	365.021.536.378
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	8.607.627.803	16.293.918.699	2.759.146.922	1.028.394.930	68.740.118.154	97.429.206.508
CL do chuyển đổi	249.211.695	3.070.840.420	38.097.373	103.946.036	-	3.462.095.524
TL, nhượng bán	-	8.250.079.290	262.447.000	3.995.838	118.625.369	8.635.147.497
Giảm do hợp nhất	8.226.560.137	-	5.123.410.980	67.400.000	-	13.417.371.117
Giảm do mất QKS	1.286.532.080	-	-	-	-	1.286.532.080
Công ty con						
Số cuối kỳ	49.678.428.204	274.295.967.005	20.507.737.072	9.154.532.305	88.937.123.130	442.573.787.716
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	134.212.114.052	28.143.187.461	16.289.923.547	19.132.457.013	2.274.439.628.986	2.472.217.311.059
Số cuối kỳ	142.888.506.827	33.930.377.933	8.913.627.686	6.162.659.611	2.313.155.060.551	2.505.050.232.608

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.491.812.473.626 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 165.032.216.082 đồng.

(*) Về Tài sản cố định là Dự án BOT đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn km 1610 – Cầu 110 (km 1667 + 570):

- Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính và đưa vào sử dụng ngày 26/10/2015. Hiện nay, Công ty vẫn tiếp tục xây dựng một số hạng mục phát sinh thêm và hạng mục phụ trợ.
- Ngày 20/04/2016, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải đã có kết luận thanh tra và kiến nghị giảm trừ một số chi phí của Dự án. Theo đó, giá trị các hạng mục đã hoàn thành của dự án đến thời điểm 31/12/2015 được tạm tính là 1.174,870 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí dự phòng), thời gian thu phí hoàn vốn tạm tính là 12 năm 02 ngày.
- Ngày 10/11/2016, Kiểm toán Nhà nước có văn bản số 502/KTNN-TH về Báo cáo kiểm toán Dự án; Theo đó, kiểm toán đã cắt giảm thêm một số chi phí và tạm xác định giá trị các hạng mục đã hoàn thành của dự án đến 30/6/2016 là 1.157,064 tỷ đồng, thời gian thu phí hoàn vốn tạm tính là 13 năm 01 tháng 05 ngày.

Công ty cho rằng, các kết luận nêu trên thể hiện giá trị tạm tính, không phải là giá trị phê duyệt cuối cùng nên chưa điều chỉnh số liệu. Nguyên giá của các hạng mục đã hoàn thành đến 31/12/2016 hiện được Công ty phản ánh trên báo cáo tài chính theo chi phí thực tế phát sinh là 1.232.799.487.702 đồng và khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án tại Hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao số 12699/HĐ.BOT-BGTVT ngày 25/11/2013 là 20 năm 4 tháng 2 ngày. Hiện nay, Công ty đang khẩn trương hoàn thành hồ sơ quyết toán giá trị công trình, thực hiện việc kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án để trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận giá trị quyết toán chính thức của dự án.

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	Website	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai (a)	Quan hệ khách hàng kế ước (b)	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	53.536.754.270	617.689.701	34.760.000	523.214.792	111.456.632.412	-	166.169.051.175
Tăng trong kỳ	-	-	-	80.000.000	11.065.147.161	32.397.712.500	43.542.859.661
CL do chuyển đổi	-	-	-	-	1.470.406.483	595.587.500	2.065.993.983
Giảm do hợp nhất	14.846.040.000	-	-	170.135.000	-	-	15.016.175.000
Số cuối kỳ	38.690.714.270	617.689.701	34.760.000	433.079.792	123.992.186.056	32.993.300.000	196.761.729.819
Khấu hao							
Số đầu kỳ	44.969.375	68.926.109	8.207.219	351.341.166	101.236.246.425	-	101.709.690.294
Khấu hao trong kỳ	21.585.300	36.334.680	11.586.672	35.492.635	7.303.431.825	1.619.885.625	9.028.316.737
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
CL do chuyển đổi	-	-	-	-	1.285.071.750	29.779.375	1.314.851.125
Giảm do hợp nhất	-	-	-	76.010.969	-	-	76.010.969
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	66.554.675	105.260.789	19.793.891	310.822.832	109.824.750.000	1.649.665.000	111.976.847.187
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	53.491.784.895	548.763.592	26.552.781	171.873.626	10.220.385.987	-	64.459.360.881
Số cuối kỳ	38.624.159.595	512.428.912	14.966.109	122.256.960	14.167.436.056	31.343.635.000	84.784.882.632

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 37.722.191.270 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 251.370.792 đồng.
- (a) Chi phí triển khai là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng sẽ được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.
- (b) Tài sản cố định vô hình “Quan hệ kinh doanh với khách hàng” phát sinh trong năm 2016 khi Công ty mua mảng hoạt động kinh doanh điện tử tại Hàn Quốc. Giá trị của tài sản này tại ngày mua là 1.450.000 USD (tương đương 11.237.500 HKD). Công ty khấu hao tài sản cố định vô hình này dựa theo thời gian ước tính sử dụng là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	54.591.466.483	121.311.884.456
Tăng do mất QKS công ty con	-	2.898.571.695	2.898.571.695
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	66.720.417.973	57.490.038.178	124.210.456.151
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	12.383.805.810	12.383.805.810
Tăng do mất QKS công ty con	-	1.286.532.080	1.286.532.080
Khấu hao trong kỳ	-	2.323.601.604	2.323.601.604
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	15.993.939.494	15.993.939.494
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	42.207.660.673	108.928.078.646
Số cuối kỳ	66.720.417.973	41.496.098.684	108.216.516.657

- Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã thế chấp đảm bảo nợ vay là 108.216.516.657 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá 66.720.417.973 đồng, diện tích 582,7 m², thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: cho thuê. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Gia Lai.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Xây dựng cơ bản	603.458.413.186	460.347.766.841
- Dự án trồng cao su tại IaTiem	13.130.600.675	12.862.866.305
- Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	156.737.763.942	152.666.035.634
- Dự án thủy điện Đồng Nai 6 (*)	11.709.800.729	11.709.800.729
- Hội sở chính Tập đoàn Đức Long Gia Lai	156.776.931.622	109.617.235.333
- Công trình khách sạn Mỹ Khê	451.262.866	451.262.866
- Trồng rừng cao su 980 ha Chư Puh (980 ha)	188.371.955.034	166.941.664.801
- Mỏ đá Gabrô Krông Năng, Krông Pa- Tỉnh Gia Lai - 9,3 Ha	-	325.578.104
- Mỏ đá Gabrodiorit tại xã IaGrai	-	1.061.251.741
- Dự án chăn nuôi bò	28.987.614.731	4.102.047.831
- Dự án nhà máy điện Tân Thượng	46.613.409.169	-
- Dự án Khách sạn Đức Long tại Đăk Nông	318.181.818	-
- Các công trình xây dựng khác	360.892.600	610.023.497
Cộng	603.458.413.186	460.347.766.841

- Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 501.886.650.598 đồng.

(*) Dự án Thủy điện Đồng Nai 6 đã bị loại khỏi quy hoạch tổng thể của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, tháng 12/2014 Tập đoàn đã có Báo cáo xin chủ trương tiếp tục đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vẫn đang chờ phản hồi từ cơ quan chức năng.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.892.372.986	16.711.882.026
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	2.746.228.992	1.453.096.650
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.638.601.978	18.164.978.676

20. Lợi thế thương mại

	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị đầu kỳ	290.583.869.855	-
Tăng do hợp nhất	-	295.205.416.464
Phân bổ trong kỳ	30.244.394.034	13.809.124.552
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	2.747.225.211	9.187.577.943
Giá trị cuối kỳ	263.086.701.032	290.583.869.855

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Tiến Đà Nẵng	89.599.709.741	110.811.241.933
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	2.248.670.000	30.191.090.000
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	23.317.960.600	25.572.714.632
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kim Lan	8.736.481.937	23.316.270.937
Hung Fai Industrial Technology Ltd	28.510.896.028	-
Công ty CP Lilama 45.3	21.656.329.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Bình Định	34.056.318.866	-
Các đối tượng khác	203.599.820.106	419.254.655.426
Cộng	411.726.186.278	609.145.972.928

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	1.020.745.524	573.339.182
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Công ty liên kết	2.248.670.000	30.191.090.000
Cộng		3.269.415.524	30.764.429.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	5.696.695.298	34.092.783.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	12.180.800.000	-
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	41.250.000.000	-
Các đối tượng khác	28.409.987.037	6.734.000.914
Cộng	<u>87.537.482.335</u>	<u>40.826.783.914</u>

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Công ty nhận đầu tư	3.301.779.388	-
Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	5.696.695.298	34.092.783.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung cổ đông lớn, có ảnh hưởng đáng kể	41.250.000.000	-
Cộng		<u>50.248.474.686</u>	<u>34.092.783.000</u>

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.450.479.392	13.555.883.533	10.504.450.680	(198.234.316)	-	-	4.303.677.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.459.473	48.755.619.686	27.390.691.416	10.727.818.300	(642.696.204)	525.223.100	-	65.270.560.225
Thuế thu nhập cá nhân	-	172.838.068	63.197.634	148.385.727	-	-	-	87.649.975
Thuế tài nguyên	-	117.175.324	315.562.728	263.109.502	-	-	-	169.628.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	472.350.000	405.321.160	3.059.318.548	874.440.772	-	-	-	2.117.848.936
Các loại thuế khác	2.052.434	62.611.403	184.595.000	62.123.280	-	-	1.052.434	184.083.123
Phí và lệ phí	-	647.484.650	401.445.107	1.004.592.957	-	-	-	44.336.800
Cộng	<u>504.861.907</u>	<u>51.611.529.683</u>	<u>44.970.693.966</u>	<u>23.584.921.218</u>	<u>(840.930.520)</u>	<u>525.223.100</u>	<u>1.052.434</u>	<u>72.177.785.538</u>

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	18.093.197.655	6.308.464.637
Chi phí lãi vay	10.333.476.514	9.832.973.691
Chi phí văn phòng	6.023.224.934	8.140.258.755
Chi phí kiểm toán	2.685.008.700	5.705.361.699
Các khoản trích trước khác	30.431.431.628	14.287.067.092
Cộng	67.566.339.431	44.274.125.874

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu cho thuê mặt bằng	114.545.458	142.128.789
Doanh thu thu phí đường bộ nhận trước	470.809.092	354.790.909
Cộng	585.354.550	496.919.698

26. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	103.209.183	7.575.682
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	617.624.290	673.727.040
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.443.858.450	1.445.184.450
Lãi vay phải trả	94.414.763.983	74.608.231.551
Cổ tức phải trả	148.747.837	919.944.792
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.518.842.024	14.892.728.340
Các khoản phải trả, phải nộp khác	326.841.504	20.584.767.781
- Công ty TNHH Indochina Gateway	-	6.923.655.000
- Phải trả khác	326.841.504	13.661.112.781
Cộng	109.573.887.271	113.132.159.636

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	300.000.000
Lãi vay phải trả	7.746.335.250	74.295.230.845
Cộng	7.746.335.250	74.595.230.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	197.639.052.181	722.269.587.354	495.939.534.208	-	(722.030.410)	423.247.074.917
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	32.963.000.000	81.447.000.000	72.010.000.000	-	-	42.400.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	13.080.215.393	396.169.355.571	123.618.447.582	-	-	285.631.123.382
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	38.500.000.000	95.200.000.000	73.700.000.000	-	-	60.000.000.000
- Ngân hàng Eximbank - CN Tân Sơn Nhất	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - USD	23.224.000.000	1.543.731.180	23.366.109.570	-	(137.174.490)	1.264.447.120
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - HKD	84.891.836.788	51.113.113.503	135.420.094.371	-	(584.855.920)	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	69.646.387.100	53.231.791.000	-	-	16.414.596.100
- Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	-	24.500.000.000	7.862.091.685	-	-	16.637.908.315
- Các đối tượng khác	980.000.000	2.650.000.000	2.731.000.000	-	-	899.000.000
Các khoản mượn bằng tiền	1.228.161.100	56.366.000.000	56.659.127.805	11.133.020.132	-	12.068.053.427
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	-	-	11.133.020.132	-	11.133.020.132
- Các đối tượng khác	1.228.161.100	56.366.000.000	56.659.127.805	-	-	935.033.295
Vay dài hạn đến hạn trả	118.498.501.814	152.640.127.128	144.065.864.400	(832.500.000)	-	126.240.264.542
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	8.000.000.000	47.000.000.000	23.000.000.000	-	-	32.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	80.200.000.000	64.213.508.000	103.213.508.000	-	-	41.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	3.741.675.200	6.600.035.200	3.727.336.400	-	-	6.614.374.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	24.799.306.614	33.479.063.928	12.500.000.000	-	-	45.778.370.542
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM - CN Đăk Lăk	120.000.000	120.000.000	120.000.000	-	-	120.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân (Sở giao dịch)	1.487.520.000	527.520.000	767.520.000	(720.000.000)	-	527.520.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Gia Lai	150.000.000	-	37.500.000	(112.500.000)	-	-
- Ông Nguyễn Thanh Lâm	-	700.000.000	700.000.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	379.600.000	133.202.748.732	5.100.000	-	-	133.577.248.732
Cộng	317.745.315.095	1.064.478.463.214	696.669.626.413	10.300.520.132	(722.030.410)	695.132.641.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Anh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	2.540.908.657.721	276.500.937.981	144.065.864.400	(41.792.900.000)	-	2.631.550.831.302
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai (i1)	926.769.000.000	74.190.403.555	23.000.000.000	-	-	977.959.403.555
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (i2)	1.297.752.606.392	196.427.974.426	103.213.508.000	(38.250.400.000)	-	1.352.716.672.818
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai (i3)	61.399.795.200	5.882.560.000	3.727.336.400	-	-	63.555.018.800
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM (i4)	247.993.066.129	-	12.500.000.000	-	-	235.493.066.129
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở giao dịch (i5)	5.634.190.000	-	767.520.000	(3.280.000.000)	-	1.586.670.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM - CN Đăk Lăk (i6)	360.000.000	-	120.000.000	-	-	240.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Lâm	700.000.000	-	700.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Gia Lai	300.000.000	-	37.500.000	(262.500.000)	-	-
Trái phiếu thường	493.602.385.468	2.102.404.268	43.000.000	-	-	495.661.789.736
Cộng	3.034.511.043.189	278.603.342.249	144.108.864.400	(41.792.900.000)	-	3.127.212.621.038
Trong đó:						
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	118.498.501.814	-	-	-	-	126.240.264.542
- Nợ thuê tài chính đến hạn	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu phát hành đến hạn	379.600.000	-	-	-	-	133.577.248.732
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.915.632.941.375					2.867.395.107.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/06/2014 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 29/05/2014 với hạn mức vay là 997.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015). Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/08/2008 đến ngày 14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay là để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlư, Huyện Chư Pư, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để cơ cấu lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ ngày 14/10/2011. Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng 980,4 ha cao su, hạn mức: 130.862.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày nhận vốn vay đầu tiên, lãi suất vay: theo thỏa thuận. Thời hạn trả gốc: bắt đầu trả từ năm 2019. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2011), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/01/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,0%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

(i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

(i.5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở Giao dịch:

- Hợp đồng tín dụng số 079/14/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 780.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9,5%/năm. Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau: sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Fortuner V 7 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 015/15/HĐTD/101-63 ngày 05/02/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 096/15/HĐTD/101-63 ngày 22/06/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 080/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên (08/10/2014). Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm và sau đó được điều chỉnh sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân và sau đó được điều chỉnh sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Camry 2.5G 5 chỗ, mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay.

- (i.6) Vay Ngân hàng HD Bank Tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 0282/13/HĐTD-TH ngày 25/10/2013 với hạn mức vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán mua xe ô tô xe Toyota Fortuner 2.5G.

c. Vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Các khoản vay mượn bằng tiền		33.052.501.415	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư	16.414.593.100	-
- Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng ĐLGL	Công ty nhận đầu tư	16.637.908.315	-
Cộng		33.052.501.415	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Trái phiếu phát hành

	31/12/2016				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy kế	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	2.603.370.299	362.084.541.005	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	134.000.000.000	2.386.675.206	1.589.423.937	133.202.748.731	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	500.374.500.000	8.905.504.500	4.192.794.236	495.661.789.736	

	01/01/2016				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.491.086.494	1.298.217.299	360.807.130.805	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	134.000.000.000	2.376.518.006	792.172.669	132.415.654.663	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	379.600.000	-	-	379.600.000	13%/năm
Cộng	500.379.600.000	8.867.604.500	2.090.389.968	493.602.385.468	

28. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.660.288.530	2.629.387.586
Cộng	4.660.288.530	2.629.387.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng tài cơ cấu (*)	1.976.940.920	26.920.520.535
Cộng	<u>1.976.940.920</u>	<u>26.920.520.535</u>

(*) Sau khi DLG kết thúc việc mua lại Công ty, việc tái cấu trúc doanh nghiệp đã được thống nhất thực hiện nhằm sắp xếp hợp lý các dây chuyền lắp ráp và tổ chức lại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và năng suất hoạt động, từ đó tăng giá trị lợi ích cho các cổ đông trong vòng 12-24 tháng tới.

Kế hoạch tái cơ cấu tổng thể chủ yếu bao gồm các phần chính:

- Giai đoạn 1: Tổ chức lại dây chuyền sản xuất bằng cách sắp xếp công việc hợp lý để tăng cường hoạt động tự động hóa bằng cách giảm thiểu các nhân viên nhà máy tạm thời hoặc nhân viên nhân rỗi;
- Giai đoạn 2: Tái cơ cấu tổ chức và chức năng của các bộ phận, chẳng hạn như đóng cửa bộ phận Nghiên cứu và Phát triển và chuyển đến Việt Nam;
- Giai đoạn 3: Tăng năng suất tự động và phân bổ lại các lực lượng lao động cấp cao cho Việt Nam. Do đó, một số nhân viên dự kiến sẽ được phân bổ lại công việc hoặc cho thôi việc.

Ban Giám đốc của Công ty đã ước tính chi phí dự kiến cho kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, bao gồm việc cắt giảm nhân viên và bồi thường cho nhân viên thôi việc. Dự phòng dài hạn cho tái cơ cấu được trích lập tại ngày 15/07/2015.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã đánh giá lại khoản dự phòng dài hạn, dựa trên điều kiện và tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty. Một số điều chỉnh đã được tính đến khi Công ty có các đơn hàng ổn định và ngày càng tăng từ các khách hàng. Quy mô của kế hoạch tái cơ cấu dự kiến sẽ được giảm xuống mức độ khả thi nhằm duy trì chất lượng và hiệu quả hoạt động của nó, chẳng hạn như, giảm bớt số lượng nhân viên sa thải.

Vì vậy, tại ngày 31/12/2016, Ban Giám đốc của Mass Noble đã thực hiện giảm chi phí tái cơ cấu ước tính đã trích lập với mức hoàn nhập dự phòng là 8,6 triệu HKD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	1.492.535.080.000	819.082.000	-	-	-	11.134.542.824	54.165.749.925
Tăng trong kỳ	199.326.090.000	49.831.522.500	94.188.783.378	8.977.680.000	10.031.813.727	-	82.680.971.121
Giảm trong kỳ		722.500.000	-	-	-	-	3.366.644.162
Số dư tại 31/12/2015	1.691.861.170.000	49.928.104.500	94.188.783.378	8.977.680.000	10.031.813.727	11.134.542.824	133.480.076.884
Số dư tại 01/01/2016	1.691.861.170.000	49.928.104.500	94.188.783.378	8.977.680.000	10.031.813.727	11.134.542.824	133.480.076.884
Tăng trong kỳ	609.582.250.000 (*)	44.639.233.828	-	-	2.537.464.705	-	66.358.887.029
Giảm trong kỳ	-	44.054.550.000	94.188.783.378	8.977.680.000	-	4.938.105.865	68.250.000.000
Số dư tại 31/12/2016	2.301.443.420.000	50.512.788.328	-	-	12.569.278.432	6.196.436.959	131.588.963.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm 2016 là 609.582.250.000 đồng từ các nguồn sau:

- Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu: 65.750.000.000 đồng
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần: 43.832.250.000 đồng
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ); Dự án Thủy điện và Năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2016 như sau:

Nội dung	Phương án sử dụng vốn	Đã sử dụng	Chưa sử dụng
Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	155.133.744.945	144.866.255.055
Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	49.489.694.169	100.510.305.831
Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Cộng	500.000.000.000	254.623.439.114	245.376.560.886

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.691.861.170.000	1.492.535.080.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	609.582.250.000	199.326.090.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.301.443.420.000	1.691.861.170.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	219.186.117	169.186.117
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	230.144.342	169.186.117
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	230.144.342	169.186.117
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	230.144.342	169.186.117
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	230.144.342	169.186.117
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	133.480.076.884	54.165.749.925
Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	4.557.138.035	(3.366.644.162)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.218.634.770	82.680.971.121
Phân phối lợi nhuận	68.250.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	68.250.000.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.500.000.000	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	65.750.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	130.005.849.689	133.480.076.884

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
- USD	999.411,89	190.938,27
- EUR	1.817,54	1.828,00
- RMB	170.643,11	983.931,00
- KRW	39.285.225,00	-
Nợ khó đòi đã xử lý	1.064.648.999	-
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	-
- Các đối tượng khác	428.217.230	-

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng	1.877.775.050.297	1.491.665.438.693
- Doanh thu bán hàng hóa (đá, nhựa đường,...)	238.371.242.962	786.962.746.199
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	1.106.517.019.963	-
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	16.435.758.491	104.907.782.055
- Doanh thu bán phân bón	495.417.104.700	278.590.832.931
- Doanh thu bán đá thành phẩm	2.970.394.181	10.836.122.274
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	18.063.530.000	310.367.955.234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	349.080.006.622	93.775.758.262
- Doanh thu cho thuê tài sản	6.005.854.087	7.576.339.395
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.134.776.202	28.231.434.463
- Doanh thu phí BOT	312.475.227.286	37.079.922.728
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	5.464.149.047	20.888.061.676
Doanh thu hợp đồng xây dựng	263.767.035.055	59.643.772.728
- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	263.767.035.055	59.643.772.728
Cộng	2.490.622.091.974	1.645.084.969.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn bán hàng	1.726.968.718.077	1.366.111.525.201
- Giá vốn bán hàng hóa (đá, nhựa đường,...)	236.082.495.590	698.882.716.493
- Giá vốn linh kiện điện tử	965.802.191.958	-
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	14.595.877.742	98.485.794.229
- Giá vốn bán phân bón	490.403.927.389	275.138.338.021
- Giá vốn bán đá thành phẩm	2.387.240.398	5.143.459.624
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	17.696.985.000	288.461.216.834
Giá vốn cung cấp dịch vụ	124.589.058.037	59.455.715.684
- Giá vốn cho thuê tài sản	4.643.979.394	6.311.887.162
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.573.488.503	21.684.340.568
- Giá vốn thu phí BOT	96.261.379.026	20.808.715.965
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	2.110.211.114	10.650.771.989
Giá vốn công trình xây dựng	155.964.825.403	54.453.058.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.057.533.937)	1.028.466.072
	-	-
Cộng	2.004.465.067.580	1.481.048.765.115

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.960.246.068	80.512.956.065
Cổ tức, lợi nhuận được chia	207.270.000	177.660.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.612.723.258	122.082.976
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	107.439.589	1.135.421
Lãi từ thoái vốn	20.626.300	23.679.622.606
Cộng	87.908.305.215	104.493.457.068

35. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	229.527.476.955	76.133.805.207
Lãi trái phiếu	63.963.289.303	83.946.777.858
Dự phòng giảm giá và tổn thất đầu tư dài hạn	109.533.162	(2.803.458.944)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	51.611.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	289.361.266	-
Phí phát hành trái phiếu	2.166.293.157	2.126.501.079
Lỗ do mất quyền kiểm soát công ty con	13.461.785.036	-
Cộng	309.517.738.879	159.455.236.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí hoa hồng	2.521.274.593	3.124.242.260
Chi phí nhân công	351.726.097	793.075.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.623.510	142.517.884
Chi phí vận chuyển	13.424.476.158	6.495.626.956
Các khoản khác	2.575.801.762	3.965.637.366
Cộng	18.970.902.120	14.521.100.051

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu	353.978.041	-
Chi phí nhân công	53.196.632.508	26.219.832.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.164.817.987	5.235.533.819
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.857.464.463	2.291.754.824
Phân bổ lợi thế thương mại	30.244.394.034	13.809.124.552
Hoàn nhập chi phí	-	(8.178.766.720)
Các khoản khác	39.542.720.799	24.808.551.189
Cộng	131.360.007.832	64.186.030.221

37. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu tiền bán lịch	10.279.999	9.189.091
Cổ tức các năm trước không phải trả	771.087.955	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	632.149.510	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	63.650.351.496
Tiền phí cấp quyền được giảm	580.787.010	-
Các khoản thu nhập khác	922.376.350	370.304.747
Cộng	2.916.680.824	64.029.845.334

38. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý của tài sản cố định thanh lý	602.856.025	220.862.749
Tiền phạt, truy thu thuế	5.718.892.643	217.060.222
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.781.171.891	2.223.999.152
Chi phí khác	133.787.976	1.760.426.438
Cộng	8.236.708.535	4.422.348.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.218.634.770	82.680.971.121
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.500.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	2.500.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.218.634.770	80.180.971.121
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	210.092.397	158.482.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	287	506

40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.165.564.014	276.105.300.986
Chi phí nhân công	307.696.534.669	167.329.641.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.905.728.268	45.374.998.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.554.648.866	93.429.604.851
Chi phí khác bằng tiền	54.816.809.737	28.010.659.799
Cộng	1.398.139.285.554	610.250.205.328

41. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	999.411,89	190.938,63
- EUR	1.817,54	1.827,91
- RMB	170.643,11	983.931,36
- KRW		-
Phải thu khách hàng		
- USD	9.314.757,97	7.192.068,40
- KRW	51.021.140.567,25	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- USD	15.583,87	-
- RMB	31.340,00	-
- KRW	6.059.639,00	-
Phải thu khác		
- CNY	-	481.958,00
- RMB	671.910,20	313.243,65
- USD	107.827,30	633.532,39
- KRW	303.662.857,00	-
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn		
- CNY		8.754.647,00
- KRW	263.085.534,91	-
- USD	336.545,49	680.763,00
- GBP	3.396,02	4.721,00
- EUR	1.472,21	3.693,00
Phải trả ngắn hạn khác		
- USD	496.419,27	811.078,53
- EUR	-	159,00
Vay ngắn hạn		8.000.000,00
- USD	-	3.773.264,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Tập đoàn ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp, công trình BOT là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ mua bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên ở mức kiểm soát được. Để quản lý rủi ro này Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	411.726.186.278	-	411.726.186.278
Chi phí phải trả	67.566.339.431	-	67.566.339.431
Vay và nợ thuê tài chính	695.132.641.618	2.867.395.107.764	3.562.527.749.382
Phải trả khác	108.853.053.798	7.746.335.250	116.599.389.048
Cộng	<u>1.283.278.221.125</u>	<u>2.875.141.443.014</u>	<u>4.158.419.664.139</u>
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	609.145.972.928	-	609.145.972.928
Chi phí phải trả	44.274.125.874	-	44.274.125.874
Vay và nợ thuê tài chính	317.745.315.095	2.915.632.941.375	3.233.378.256.470
Phải trả khác	112.450.856.914	74.595.230.845	187.046.087.759
Cộng	<u>1.083.616.270.811</u>	<u>2.990.228.172.220</u>	<u>4.073.844.443.031</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.808.960.822	-	96.808.960.822
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	316.094.590.556	-	316.094.590.556
Phải thu khách hàng	596.275.084.202	-	596.275.084.202
Phải thu về cho vay	896.472.564.619	225.647.099.300	1.122.119.663.919
Phải thu khác	232.084.849.992	22.739.205.273	254.824.055.265
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	29.850.959.106	29.850.959.106
Cộng	2.401.736.050.191	278.237.263.679	2.679.973.313.870
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.107.949.123	-	220.107.949.123
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	573.264.666.667	1.400.000.000	574.664.666.667
Phải thu khách hàng	415.224.159.179	-	415.224.159.179
Phải thu về cho vay	699.209.157.372	157.343.713.318	856.552.870.690
Phải thu khác	96.224.325.929	25.364.989.405	121.589.315.334
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	13.486.261.636	13.486.261.636
Cộng	2.268.030.258.270	197.594.964.359	2.465.625.222.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của các Công ty trong Tập đoàn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Tập đoàn đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su, NN	Kinh doanh Phân bón	Hoạt động xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.331.547.802.000	34.499.288.491	495.417.104.700	576.242.262.341	5.464.149.047	2.970.394.181	31.140.630.289	2.477.281.631.049
Giá vốn của bộ phận	1.198.827.153.611	32.292.862.742	490.403.927.389	252.226.204.429	2.110.211.114	2.387.240.398	26.217.467.897	2.004.465.067.580
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.720.648.389	2.206.425.749	5.013.177.311	324.016.057.912	3.353.937.933	583.153.783	4.923.162.392	472.816.563.469
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2016	2.059.827.369.455	1.836.977.678.753	35.338.122.923	2.745.802.520.039	(1.479.845.745)	1.977.709.418	280.260.839.122	6.958.704.393.965
Tài sản không phân bổ								53.913.244.643
Tổng tài sản								7.012.617.638.608
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2016	333.543.729.846	981.343.965.145	1.500.001	2.887.753.900.281	179.304.338	316.100.000	121.069.610.551	4.324.208.110.162
Nợ phải trả không phân bổ								28.077.066.678
Tổng nợ phải trả								4.352.285.176.840
Khấu hao và chi phí phân bổ								
- Khấu hao	24.815.704.194	6.762.094.144	401.777.832	68.643.148.281	-	-	7.363.170.104	107.985.894.555
- Chi phí phân bổ	1.531.033.315	241.456.959	171.129.982	1.858.089.904	7.500.510	-	374.382.985	4.183.593.655
Khấu hao và chi phí không phân bổ								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Bán gỗ, Sản phẩm từ gỗ, cao su, NN	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng và trạm thu phí	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động khai thác đá	Dịch vụ khác cho thuê TS, khách sạn...	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	711.398.310.044	415.275.737.289	278.590.832.931	96.723.695.456	20.888.061.676	79.030.679.021	35.807.773.858	1.637.715.090.275
Giá vốn của bộ phận	632.329.821.196	386.947.011.063	275.138.338.021	75.261.774.123	10.650.771.989	72.724.820.993	27.996.227.730	1.481.048.765.115
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	79.068.488.848	28.328.726.226	3.452.494.910	21.461.921.333	10.237.289.687	6.305.858.028	7.811.546.128	156.666.325.160
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2015	876.815.851.279	2.452.449.491.686	53.940.931.185	2.906.077.515.930	43.429.333.896	40.746.344.860	362.785.577.651	6.736.245.046.487
Tài sản không phân bổ								79.362.441.187
Tổng tài sản								6.815.607.487.674
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2015	435.535.828.280	1.749.567.422.836	31.458.682.730	2.356.357.883.861	4.326.864.238	-	70.000.616.250	4.647.247.298.195
Nợ phải trả không phân bổ								11.920.102.227
Tổng nợ phải trả								4.659.167.400.422
Khấu hao và chi phí phân bổ	11.514.546.679	5.111.268.807	377.570.557	21.511.479.884	5.048.051.809	761.015.412	5.517.019.616	49.840.952.764
- <i>Khấu hao</i>	11.332.132.747	4.617.099.034	377.570.557	21.125.647.022	3.937.456.263	678.393.630	5.169.444.710	47.237.743.963
- <i>Chi phí phân bổ 142,242</i>	182.413.932	494.169.773	-	385.832.862	1.110.595.546	82.621.782	347.574.906	2.603.208.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP DV BV Tây Bình Tây Sơn	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư & KD Bất động sản ĐLGL	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Cho thuê tài sản	1.040.280.000	544.560.000
Công ty TNHH Cung ứng VT NL Tây Nguyên	Bán thành phẩm, hàng hóa	342.569.226.600	397.932.471.400
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Bán thành phẩm, hàng hóa	1.093.225.545	-
Công ty CP TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Bán thành phẩm, hàng hóa	2.046.889.169	5.340.000.000
Công ty CP DV CTCC Đức Long Bảo Lộc	Cho thuê tài sản	3.561.890.376	3.997.190.376
Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	Xây lắp	29.397.740.000	16.496.011.818
Mua hàng, nhận dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Thuê tài sản	512.727.276	336.727.268
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thi công hội sở	2.142.910.364	11.193.413.303
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Thi công nhà máy	4.367.635.455	1.411.828.182
	Mua đá các loại	-	10.243.841.715
Các giao dịch khác			
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Lãi cho vay	2.942.745.248	7.630.118.110
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức được nhận	207.270.000	177.660.000
Công ty CP Đầu tư & KD Bất động sản ĐLGL	Lãi cho vay	30.500.354	-
Công ty CP Đầu tư & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	Lãi cho vay	31.013.958	-

44. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

45. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Trần Anh Hùng

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hải

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Thủy

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2016 được đăng tải ở Website của Công ty: <http://www.duclonggroup.com/quan-he-co-dong>



Xác nhận của tổ chức phát hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ANH HÙNG